

Số: /TTr-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết quyết định điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm
không được san lấp trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 877/TTr-SNNMT ngày 21/6/2026 và ý kiến tham gia của Sở Tư pháp; Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIII, Kỳ họp thường lệ giữa năm 2026 (Kỳ họp thứ 5) dự thảo Nghị quyết điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp trên địa bàn tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau:

1. Sự cần thiết ban hành

a) Ngày 12/6/2025, Quốc hội thông qua Nghị quyết số 202/2025/QH15, theo đó sáp nhập tỉnh Bình Định và tỉnh Gia Lai. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh đang tồn tại song song 02 Danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp được ban hành theo Quyết định số 605/QĐ-UBND ngày 18/09/2021 của UBND tỉnh Gia Lai (trước sáp xếp) và Quyết định số 1433/QĐ-UBND ngày 04/05/2022 của UBND tỉnh Bình Định (trước sáp xếp).

b) Tại Văn bản số 2657/BNMT-TNN ngày 23/3/2026, Bộ Nông nghiệp và Môi trường yêu cầu các địa phương đã phê duyệt Danh mục trước ngày 01/7/2024 phải tổ chức rà soát, cập nhật, công bố hoặc điều chỉnh danh mục hoàn thành trước ngày 01/7/2026.

c) Theo quy định tại Khoản 30 Điều 1 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung Điều 58 Nghị định 53/2024/NĐ-CP), việc điều chỉnh, đưa hồ, ao, đầm, phá ra khỏi Danh mục để phục vụ mục đích công cộng, quốc phòng, an ninh phải được trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua bằng Nghị quyết trước khi UBND tỉnh phê duyệt Quyết định điều chỉnh.

Từ những cơ sở nêu trên, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quyết định điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp là cần thiết,

đúng thẩm quyền và đảm bảo cơ sở pháp lý, đáp ứng yêu cầu thực tiễn quản lý của địa phương.

2. Mục đích xây dựng dự thảo Nghị quyết

- Cập nhật, điều chỉnh, bổ sung các ao, hồ không san lấp trên địa bàn tỉnh.
- Đưa ra khỏi danh mục các ao, hồ để phục vụ các dự án, mục đích công cộng, quốc phòng, an ninh trên địa bàn.

3. Dự kiến nội dung chính của Nghị quyết

Điều 1. Quyết định Danh mục điều chỉnh hồ, ao, đầm không được san lấp trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

4. Thời gian trình

Dự thảo Nghị quyết quyết định điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp trên địa bàn tỉnh Gia Lai sẽ trình vào Kỳ họp thường lệ giữa năm 2026 (Kỳ họp thứ 5), HĐND tỉnh Gia Lai khóa XIII, nhiệm kỳ 2026 – 2031; dự kiến tổ chức trong tháng 7/2026.

(Gửi kèm theo Tờ trình này:

(1) Dự thảo Nghị quyết quyết định điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

(2) Báo cáo thuyết minh điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp trên địa bàn tỉnh Gia Lai).

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các Sở: NNMT, TP, XD;
- CVP, PVP NN;
- Lưu: VT, N₁, 4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Quyết định điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm
không được san lấp trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước;

Xét Tờ trình số...../TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quyết định điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra số /BC-KTNS ngày tháng năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

(Chi tiết tại Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi

nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XIII, Kỳ họp thường kỳ giữa năm 2026 (Kỳ họp thứ 5) thông qua và có hiệu lực từ ngày tháng năm 2026./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (đăng tải trên công báo điện tử);
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Gia Lai;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, VP.

CHỦ TỊCH

Rah Lan Chung

Phụ lục II

DANH MỤC AO, HỒ, ĐÀM ĐƯỢC ĐƯA RA KHỎI DANH MỤC AO, HỒ, ĐÀM KHÔNG ĐƯỢC SAN LẤP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI¹

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2026 của HĐND tỉnh)

TT	Tên ao, hồ, đầm	Địa điểm	Diện tích (ha)	Chức năng
1	Hồ Nam Hương	Thôn Thượng Giang, xã Bình Khê	2,0	SXNN
2	Hồ Bôn Sar	Bôn Krái, xã Ia Rbol	1,0	SXNN, NTTS
3	Bàu (Ao) Rộc Còng	Tổ dân phố 6, phường An Khê	1,43	SXNN
4	Bàu (Ao) Ông Mai	Tổ dân phố 7, phường An Bình	0,214	SXNN

Ghi chú:

SXNN: Cấp nước sản xuất nông nghiệp

NTTS: Nuôi trồng thủy sản

¹ Các ao, hồ được điều chỉnh đưa ra khỏi danh mục tại Quyết định số 605/QĐ-UBND ngày 18/9/2021 của UBND tỉnh Gia Lai và Quyết định số 1433/QĐ-UBND ngày 04/5/2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp trên địa bàn tỉnh

Phụ lục I
DANH MỤC AO, HỒ, ĐÀM KHÔNG ĐƯỢC SAN LẤP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /7/2026 của HĐND tỉnh)

TT	Tên ao, hồ, đầm	Địa điểm	Diện tích (ha)	Chức năng
I.	CÁC AO, HỒ, ĐÀM TRÊN ĐỊA BÀN NHIỀU XÃ, PHƯỜNG			
1	Đầm Thị Nại	Phường Quy Nhơn, phường Quy Nhơn Đông, xã Tuy Phước, xã Tuy Phước Đông, xã Ngô Mỹ, xã Cát Tiến	5.000,0	NTTS, TTN
2	Đầm Trà Ô	Thôn Chánh Khoan, xã Bình Dương; Thôn Phú Lộc, Thôn An Hòa, Thôn Thanh Thủy, xã Phù Mỹ Đông; Thôn Châu Trúc, xã Phù Mỹ Bắc	-	SXNN, NTTS, PTDL, PĐ
3	Hồ Bàu Lát	Phường: Quy Nhơn Bắc, Quy Nhơn Tây	11,06	SXNN, TTN
4	Hồ Cà Rung	thôn Cát Tường, xã Xuân An và thôn An Đức, xã Phù Cát	96,28	SXNN
5	Hồ Phú Hòa	Phường: Quy Nhơn, Quy Nhơn Bắc, Quy Nhơn Nam	80,94	SXNN, TTN
6	Hồ thủy lợi Tàu Dầu 2	Phường An Bình; xã Đăk Pơ	48,97	SXNN, CNSH, PL
7	Hồ thủy điện An Khê	Phường An Khê, xã Cửu An và xã Bình Khê	340,0	PĐ, CNSH, PL
8	Hồ thủy điện Đăk Đoa	Xã Đăk Somei và xã Kon Gang	327,661	PĐ, PL, SXNN
9	Hồ thủy điện Đăk Srông 2	Các xã: Kông Chro và Ya Ma	2638,0	PĐ, PL
10	Hồ thủy điện Đăk Srông 2A	Các xã: Kông Chro và Ya Ma	12,4	PĐ, PL
11	Hồ thủy điện H'Mun	Xã Bờ Ngoong và xã Lơ Pang	18,0	PĐ, PL
12	Thủy điện Nước Lương	Xã Ân Tường và xã Vạn Đức	11.230	PĐ
II.	CÁC AO, HỒ, ĐÀM TRÊN ĐỊA BÀN XÃ, PHƯỜNG			
	PHƯỜNG AN NHƠN			
1	Bàu Bể	Tổ dân phố Bả Canh, phường An Nhơn	54,282	Nằm trong khu di tích Thành Hoàng Đế
2	Bàu Sen	Tổ dân phố Vân Sơn, phường An Nhơn	8,6	PTDL
3	Bàu Vệ	Tổ dân phố Tân Thuận Hòa, phường An Nhơn	0,2	Giá trị di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh
	PHƯỜNG AN			

TT	Tên ao, hồ, đầm	Địa điểm	Diện tích (ha)	Chức năng
	NHƠN BẮC			
4	Hồ Sen	Tổ dân phố Châu Thành, phường An Nhơn Bắc	0,155	Bảo vệ và phát triển giá trị Di tích lịch sử Chùa Thập Tháp
5	Cổng Ba Trang	Tổ dân phố Châu Thành, phường An Nhơn Bắc	0,145	SXNN
	PHƯỜNG BÌNH ĐỊNH			
6	Hào Thành Bình Định	Tổ dân phố Kim Châu, phường Bình Định	0,56	Di tích
7	Bi tổ 3 Kim Châu	Tổ dân phố Kim Châu, phường Bình Định	0,1	TTN
8	Cầu Liêm Trục 1	Tổ dân phố Liêm Trục, phường Bình Định	1,04	TTN
9	Cầu Liêm Trục 2	Tổ dân phố Liêm Trục, phường Bình Định	0,32	TTN
10	Bàu Giếng	Tổ dân phố Nhơn Nghĩa, phường Bình Định	0,77	MTCQ
11	Bàu Sen	Tổ dân phố An Hòa, phường Bình Định	0,47	SXNN
12	Sông	Tổ dân phố Quan Quang, phường Bình Định	0,155	SXNN
	PHƯỜNG BÔNG SƠN			
13	Hồ Thiết Đính	Khu phố Thiết Đính, phường Bông Sơn	15,0	SXNN
14	Hồ Lòng Bong	Khu phố Thiết Đính, phường Bông Sơn	9,5	SXNN
15	Hồ Văn Khánh Đức	Khu phố Hoài Đức, phường Bông Sơn	44,0	SXNN
16	Hóc Dài	Khu phố Hoài Đức, phường Bông Sơn	2,0	SXNN
17	Hóc Cau	Khu phố Lại Khánh, phường Bông Sơn	4,0	SXNN
	PHƯỜNG HOÀI NHƠN			
18	Hồ Ông Trĩ	Tổ dân phố Ngọc Sơn, phường Hoài Nhơn	6,26	SXNN
	PHƯỜNG HOÀI NHƠN BẮC			
19	Hồ Cẩn Hậu	Tổ dân phố Hoài Sơn Bắc, phường Hoài Nhơn Bắc	46,19	SXNN
20	Hồ Hóc Quần	Tổ dân phố Hoài Sơn Bắc, phường Hoài Nhơn Bắc	2,4	SXNN
21	Hồ An Đỗ	Tổ dân phố Hoài Sơn Bắc, phường Hoài Nhơn Bắc	3,71	SXNN
22	Hồ Đồng Tranh	Tổ dân phố Hoài Sơn Đông,	4,6	SXNN

TT	Tên ao, hồ, đầm	Địa điểm	Diện tích (ha)	Chức năng
		phường Hoài Nhơn Bắc		
23	Hồ Suối Mới	Tổ dân phố Hoài Sơn Nam, phường Hoài Nhơn Bắc	14,96	SXNN
	PHƯỜNG HOÀI NHƠN ĐÔNG			
24	Hồ Cây Khế	Tổ dân phố Xuân Vinh, phường Hoài Nhơn Đông	43,70	SXNN
	PHƯỜNG HOÀI NHƠN NAM			
25	Hồ Giao Hội	Khu phố Giao Hội, phường Hoài Nhơn Nam	18,26	SXNN
26	Hồ Hóc Thờ	Khu phố Đệ Đức, phường Hoài Nhơn Nam	2,0	SXNN
	PHƯỜNG HOÀI NHƠN TÂY			
27	Hồ Mỹ Bình	Tổ dân phố Mỹ Bình, phường Hoài Nhơn Tây	66,29	SXNN
28	Hồ Cự Lễ	Tổ dân phố Cự Lễ, phường Hoài Nhơn Tây	9,4	SXNN
29	Hồ Phú Thạnh	Tổ dân phố Hội Phú, phường Hoài Nhơn Tây	10,0	SXNN
	PHƯỜNG QUY NHƠN			
30	Hồ Bàu Sen	Phường Quy Nhơn	3,83	TTN
31	Hồ sinh thái Đồng Đa	Phường Quy Nhơn	12,0	TTN
	PHƯỜNG QUY NHƠN NAM			
32	Hồ điều hòa Khu đô thị Hưng Thịnh	Khu phố 3, phường Quy Nhơn Nam	0,83	TTN
	PHƯỜNG QUY NHƠN TÂY			
33	Hồ Long Mỹ	Khu phố Long Thành, phường Quy Nhơn Tây	38,0	SXNN, TTN
	PHƯỜNG TAM QUAN			
34	Hồ Hồ Giang	Khu phố Tân An, phường Tam Quan	26,15	SXNN
35	Đập Cẩm	Khu phố Hoài Châu, phường Tam Quan	14,4	SXNN
	XÃ AN HÒA			
36	Hồ thủy điện Nước Xáng	Xã An Hòa	3,000 (DTLV)	PĐ
37	Hồ Hưng Long	Xã An Hòa	30,0	SXNN
38	Hồ Hóc Tranh	Xã An Hòa	10,0	SXNN
	XÃ AN LÃO			
39	Hồ Sông Vố	Xã An Lão	21,94	SXNN, CNSH
	XÃ AN LƯƠNG			
40	Hồ Cây Me	Thôn Xuân Bình, xã An Lương	5,9	SXNN

TT	Tên ao, hồ, đầm	Địa điểm	Diện tích (ha)	Chức năng
41	Hồ Hồ Trạch	Thôn Trung Xuân, xã An Lương	7,7	SXNN, NTTS
42	Đầm Đề Gi	Thôn An Xuyên, xã An Lương	114,3	TTN
	XÃ AN NHƠN TÂY			
43	Hồ Núi Một	Thôn Thọ Tân, xã An Nhơn Tây	968,0	SXNN, CNSH, PĐ, PTDL
	XÃ AN VINH			
44	Hồ Trong Thượng	Xã An Vinh	19,90	SXNN
45	Hồ Đèo Cạnh	Xã An Vinh	-	TTN, MTCQ, SXNN
46	Hồ Đồng Mít	Thôn 5, xã An Vinh	453	SXNN, NTTS, PĐ, PL
	XÃ ÂN HẢO			
47	Hồ Đập Chùa	Thôn Vạn Trung, xã Ân Hảo	2,67	SXNN
48	Hồ Hội Long	Thôn Hội Long, xã Ân Hảo	24,5	SXNN
49	Hồ Mỹ Đức	Thôn Mỹ Thành, Xã Ân Hảo	59,95	SXNN
	XÃ ÂN TƯỜNG			
50	Hồ Bàu Tích	Thôn Phú Xuân, xã Ân Tường	0,2	SXNN
51	Hồ Phú Khương	Xã Ân Tường	15,0	SXNN
52	Hồ Hóc Tài	Thôn Ân Hữu, xã Ân Tường	9,5	SXNN
53	Hồ Hóc Mỹ	Thôn Ân Hữu, xã Ân Tường	22,5	SXNN
54	Hồ Phú Hữu (Suối Rùn)	Thôn Phú Hữu 1, xã Ân Tường	70,0	SXNN
55	Bàu Sen	Thôn Tân Thạnh, xã Ân Tường	1,5	TTN, SXNN
56	Hồ Thạch Khê	Xã Ân Tường	116,38	SXNN
	XÃ BÌNH AN			
57	Hồ Lỗ Oi	Thôn Kiên Long, xã Bình An	6,0	SXNN
58	Hồ Rộc Đàng	Thôn Phú Lạc, xã Bình An	1,3	SXNN
59	Hồ Hòn Gà	Xã Bình An	22,0	SXNN
	XÃ BÌNH DƯƠNG			
60	Hồ Núi Miếu	Thôn Mỹ Phú, xã Bình Dương	26,37	SXNN, NTTS, PTDL
61	Sông Lở	Thôn Chánh Khoan, xã Bình Dương	15,2	SXNN
62	Hồ Suối Sỏ	Thôn An Phú, xã Bình Dương	51,72	SXNN
63	Hồ Hóc Sinh	Thôn Vĩnh Phước, xã Bình Dương	5,32	SXNN
64	Hồ Hải Lương	Thôn Văn Trường, xã Bình Dương	3,82	SXNN
	XÃ BÌNH HIỆP			
65	Hồ Hòa Mỹ (Mặt Cật)	Thôn Bình Thuận, xã Bình Hiệp	0,8	SXNN
66	Hồ Đập Làng	Thôn Tây An, xã Bình Hiệp	2,1	SXNN
67	Hồ Đồng Quy	Thôn Văn Phong, xã Bình Hiệp	3,0	SXNN
68	Hồ Bàu Năng	Thôn Bình Tân, xã Bình Hiệp	2,5	SXNN
69	Hồ Thuận Ninh	Xã Bình Hiệp	496,0	SXNN
	XÃ BÌNH KHÊ			
70	Hồ Hóc Đèo	Thôn Thượng Giang, xã Bình Khê	10,0	SXNN

TT	Tên ao, hồ, đầm	Địa điểm	Diện tích (ha)	Chức năng
71	Hồ Hải Nam	Thôn Tả Giang, xã Bình Khê	5,0	SXNN
72	Hồ Lỗ Môn	Thôn Thượng Giang, xã Bình Khê	3,6	SXNN
73	Hồ Bàu Dài	Thôn Tả Giang, xã Bình Khê	2,0	SXNN
74	Hồ Hóc Cát	Thôn Thượng Giang, xã Bình Khê	2,0	SXNN
75	Hồ Truong Ồi	Thôn Thượng Sơn, xã Bình Khê	1,3	SXNN
	XÃ BÌNH PHÚ			
76	Hồ Hóc Thánh	xã Bình Phú	5,0	SXNN
77	Hồ Hóc Rộng	Thôn Hòa Hiệp, xã Bình Phú	0,5	SXNN
78	Hồ Bàu Làng	Thôn Hòa Sơn, xã Bình Phú	2,6	SXNN
79	Hồ Bàu Sen	Thôn Hòa Hiệp, xã Bình Phú	1,0	SXNN
80	Hồ Cây Sung	Thôn Hòa Sơn, xã Bình Phú	3,8	SXNN
81	Hồ Ông Chánh	Xã Bình Phú	1,2	-
82	Hồ Đồng Đo	Thôn Phú Mỹ, xã Bình Phú	1,3	SXNN
	XÃ CANH VINH			
83	Hồ Bà Thiên	Thôn Tân Vinh, xã Canh Vinh	4,0	SXNN
84	Hồ Suối Cầu	Thôn Quang Hiến, xã Canh Vinh	4,0	SXNN
85	Hồ Quang Hiến	Thôn Quang Hiến, xã Canh Vinh	69,3	SXNN
86	Hồ Ông Lành	Thôn Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh	39,9	SXNN
	XÃ CÁT TIẾN			
87	Hồ Chánh Hùng	Thôn Thắng Hùng, xã Cát Tiến	37,9	SXNN
88	Hồ Tân Thắng	Thôn Cát Hải Bắc, xã Cát Tiến	17,9	SXNN
89	Hồ Đá Bàn	Thôn Cát Hải Nam, xã Cát Tiến	2,64	SXNN
90	Bàu Dừng	Thôn Cát Hải Bắc, xã Cát Tiến	5,0	TTN
	XÃ ĐỀ GI			
91	Hồ Hồ Xoài	Thôn Đại Bằng, xã Đề Gi	16,64	SXNN
92	Hồ Hóc Quy	Thôn Trung Chánh, xã Đề Gi	4,62	SXNN
93	Hồ Mu Rùa	Thôn Xuân An, xã Đề Gi	2,54	SXNN
94	Hồ Hóc Xeo	Thôn An Phú, xã Đề Gi	15,53	SXNN
95	Đầm Đề Gi	Thôn Đức Phổ, Thôn Cát Khánh, Thôn An Quang Tây, Thôn An Quang Đông, xã Đề Gi	6,0	NTTS
	XÃ HÒA HỘI			
96	Hồ Hóc Cau	Thôn Trị Bình, xã Hòa Hội	14,62	SXNN
97	Hồ Bờ Sề	Thôn Trị Bình, xã Hòa Hội	13,17	SXNN
98	Hồ Hóc Chợ	Thôn Cát Hanh, xã Hòa Hội	4,01	SXNN
	XÃ HOÀI AN			
99	Hồ Cây Điều	Thôn An Chiêu, xã Hoài Ân	1,23	SXNN
100	Hồ Hóc Cau	Thôn An Hòa, xã Hoài Ân	3,5	SXNN
101	Hồ Hóc Kỳ	Thôn An Chiêu, xã Hoài Ân	6,0	SXNN
102	Hồ Hóc Hảo	Thôn Ân Phong, Xã Hoài Ân	19,5	SXNN
103	Hồ Hóc Sim	Thôn Lộc Tường, xã Hoài Ân	16,5	SXNN
104	Ao Bèo Vung	Thôn Ân Đức, xã Hoài Ân	3,8	SXNN
105	Hồ Phú Thuận	Xã Hoài Ân	49,54	SXNN
106	Hồ An Đôn	Xã Hoài Ân	29,50	SXNN

TT	Tên ao, hồ, đầm	Địa điểm	Diện tích (ha)	Chức năng
107	Hồ Đá Bàn	Xã Hoài Ân	20,43	SXNN
108	Bàu Đưng (hồ sinh thái)	Thôn Gia Chiều, xã Hoài Ân	1,0	MTCQ
	XÃ HỘI SƠN			
109	Hồ Hội Sơn	Thôn Hội Sơn, xã Hội Sơn	480	SXNN
110	Hồ Thạch Bàn	Thôn Thạch Bàn, xã Hội Sơn	21,35	SXNN
111	Hồ Suối Tre	Thôn Đại Khoang, xã Hội Sơn	72,78	SXNN
112	Hồ Tam Sơn	Thôn Thuận Phong, xã Hội Sơn	20	SXNN
	XÃ KIM SƠN			
113	Hồ Bè Né	Thôn Bình Điền, xã Kim Sơn	1,52	SXNN
114	Hồ Đồng Quang	xã Kim Sơn	6,0	SXNN
115	Hồ Kim Sơn	Thôn Kim Sơn, xã Kim Sơn	28,0	SXNN
	XÃ NGÔ MÂY			
116	Hồ Mỹ Thuận	Thôn Cát Hưng, xã Ngô Mây	97,6	SXNN
	XÃ PHÙ CÁT			
117	Hồ Suối Chay	Thôn An Đức, xã Phù Cát	44,16	SXNN
118	Hồ Hóc Ổi	Thôn Tân Hoà, xã Phù Cát	3,0	SXNN
119	Hồ Sân Bay	Thôn Hoà Bình, xã Phù Cát	25,0	SXNN
120	Hồ Tân Lệ	Thôn Tân Hoà, xã Phù Cát	12,11	SXNN
121	Hồ Hóc Sanh	Thôn Tân Hòa, xã Phù Cát	5,17	SXNN
122	Hồ Kênh Kênh	Thôn An Hành Tây, Thôn Phong An, Thôn Phú Kim, xã Phù Cát	6,69	MTCQ
123	Ao cá Béc Hồ	Thôn An Kim, xã Phù Cát	0,53	MTCQ
	XÃ PHÙ MỸ			
124	Bàu Trâu	Thôn Trung Thành, xã Phù Mỹ	1,7	SXNN
125	Bàu Sơn	Thôn Trung Thành, xã Phù Mỹ	1,2	SXNN
126	Hồ Hóc Mẩn	Thôn Tân Tường An, xã Phù Mỹ	14,3	SXNN
127	Hồ Nhà Hồ	Thôn Trung Thứ, xã Phù Mỹ	202,73	SXNN
128	Hồ Chòi Hiền	Thôn Trung Thứ, xã Phù Mỹ	11,63	SXNN
129	Hồ Hóc Mít	Thôn Trung Thứ, xã Phù Mỹ	9,11	SXNN
	XÃ PHÙ MỸ BẮC			
130	Hồ Hóc Môn	Thôn Vạn Thiết, xã Phù Mỹ Bắc	7,1	SXNN
131	Hồ Đập Ký	Thôn Vạn An, xã Phù Mỹ Bắc	6,5	SXNN
132	Hồ Hóc Hòm	Thôn Lộc Thái, xã Phù Mỹ Bắc	5,59	SXNN, NTTS
133	Hồ Đồng Dụ	Thôn Lộc Thái, xã Phù Mỹ Bắc	1,24	SXNN
134	Hồ Đội 10 (Đập Đội 10)	Thôn Vạn An, xã Phù Mỹ Bắc	2,0	SXNN
135	Tích thủy đội 14	Thôn Vạn An, xã Phù Mỹ Bắc	1,75	SXNN
136	Ao Tây, ao Nghè	Thôn Vạn An, xã Phù Mỹ Bắc	0,9	SXNN
137	Vực Lở, Lở Sỏi	Thôn Vạn An, xã Phù Mỹ Bắc	1,28	SXNN
138	Hồ Đồng Đèo 1	Thôn Lộc Thái, xã Phù Mỹ Bắc	1,18	SXNN
139	Hồ Đồng Đèo 2 (Đập Đồng Đèo)	Thôn Lộc Thái, xã Phù Mỹ Bắc	7,39	SXNN, NTTS
140	Hồ Hóc Lách (Đập Hóc Lách)	Thôn Lộc Thái, xã Phù Mỹ Bắc	2,1	SXNN, NTTS
141	Hồ Phú Hà	Thôn Hòa Tân, xã Phù Mỹ Bắc	76,32	SXNN
142	Trương Tây	Thôn An Giang, xã Phù Mỹ Bắc	0,5	SXNN

TT	Tên ao, hồ, đầm	Địa điểm	Diện tích (ha)	Chức năng
143	Hóc Lách	Thôn An Giang, xã Phù Mỹ Bắc	7,4	SXNN
144	Bàu Tùng	Thôn An Giang, xã Phù Mỹ Bắc	1,9	SXNN
145	Bàu Nguyên	Thôn An Giang, xã Phù Mỹ Bắc	0,7	SXNN
146	Hồ Sò Bó	Thôn An Bão, xã Phù Mỹ Bắc	13,0	SXNN
147	Hồ Cây Sung	Thôn Cừu Thành, xã Phù Mỹ Bắc	26,48	SXNN
148	Hồ Vạn Sơn	Thôn Vạn Định, xã Phù Mỹ Bắc	45,0	SXNN
149	Hồ Vạn Định	Xã Phù Mỹ Bắc	62,50	SXNN
150	Hồ An Tường	Xã Phù Mỹ Bắc	15,315	SXNN
	XÃ PHÙ MỸ ĐÔNG			
151	Đập Cửa Thượng	Thôn Phú Lộc, Xã Phù Mỹ Đông	2,0	SXNN
152	Bàu Sen	Thôn An Lạc, thôn An Hòa, Xã Phù Mỹ Đông	80,0	SXNN
153	Hồ Hóc Nhạn	Xã Phù Mỹ Đông	59	SXNN
154	Hồ Hố Cùng	Xã Phù Mỹ Đông	8,77	SXNN
155	Hồ Đá Bàn	Xã Phù Mỹ Đông	11,72	SXNN
156	Đập Mù U	Xã Phù Mỹ Đông	1,0	SXNN
157	Hồ Thuận An	Xã Phù Mỹ Đông	1,2	SXNN
158	Hồ Hòa Ninh	Xã Phù Mỹ Đông	1,5	SXNN
	XÃ PHÙ MỸ NAM			
159	Hồ Đại Sơn (Hồ Đập Cụt)	Thôn Bình Tân, xã Phù Mỹ Nam	81,5	SXNN
160	Hồ Đập Phố	Thôn Bình Tân, xã Phù Mỹ Nam	11,0	SXNN
161	Hồ Rền Quyền	Thôn Bình Tân, xã Phù Mỹ Nam	1,75	SXNN
162	Hồ Rộc Đình	Thôn Bình Tân, xã Phù Mỹ Nam	1,0	SXNN
163	Hồ Hóc Ráy	Thôn Bình Tân, xã Phù Mỹ Nam	1,4	SXNN
164	Hồ Đại Thuận	Thôn Đại Thuận, xã Phù Mỹ Nam	3,5	SXNN
165	Hồ Chí Hoà 1 (hồ Bao Sang)	Thôn Vạn Phước, xã Phù Mỹ Nam	8,2	SXNN
166	Đập Muồn	Thôn Trà Bình, xã Phù Mỹ Nam	0,96	SXNN
167	Bàu Trôi	Thôn An Trinh, xã Phù Mỹ Nam	0,8	SXNN
168	Hồ Hóc Quảng	Thôn Kiên Phú, xã Phù Mỹ Nam	3,5	SXNN
169	Hồ Núi Giàu	Thôn Mỹ Hội, xã Phù Mỹ Nam	4,0	SXNN
170	Đập Bàu	Thôn Vĩnh Nhơn, xã Phù Mỹ Nam	1,0	SXNN
171	Đập Hoanh	Thôn Kiên Phú, xã Phù Mỹ Nam	0,35	SXNN
172	Đập Ngõ Đến	Thôn Mỹ Hội, xã Phù Mỹ Nam	0,3	SXNN
173	Bàu Đá	Thôn Kiên Phú, xã Phù Mỹ Nam	3,0	SXNN
174	Hồ Chí Hòa 2	Xã Phù Mỹ Nam	23,10	SXNN
	XÃ PHÙ MỸ TÂY			
175	Hồ Hội Khánh	Thôn Hội Khánh, xã Phù Mỹ Tây	97,3	SXNN
176	Hồ Tây Dâu	Thôn Phước Thiện, xã Phù Mỹ Tây	11,12	SXNN
177	Hồ Giàn Tranh	Thôn Phước Thiện, xã Phù Mỹ	7,3	SXNN

TT	Tên ao, hồ, đầm	Địa điểm	Diện tích (ha)	Chức năng
		Tây		
178	Hồ Đồng Phó	Thôn Phước Thiện, xã Phù Mỹ Tây	1,2	SXNN
179	Hồ Đập Miếu	Thôn An Lạc, xã Phù Mỹ Tây	2,2	SXNN
180	Hồ Đập Lôi	Thôn Hội Phú, xã Phù Mỹ Tây	11,94	SXNN
181	Hồ Ông Ròng	Thôn Hội Phú, xã Phù Mỹ Tây	1,2	SXNN
182	Hồ Hố Voi	Thôn Trinh Vân, xã Phù Mỹ Tây	29,21	SXNN
183	Hồ Trung Sơn	Thôn Trung Sơn, xã Phù Mỹ Tây	27,26	SXNN
184	Hồ Dốc Đá	Thôn Trung Sơn, xã Phù Mỹ Tây	4,39	SXNN
185	Hồ Hóc Xoài	Thôn Trung Sơn, xã Phù Mỹ Tây	3,96	SXNN
186	Hồ Hóc Cau	Thôn Trung Sơn, xã Phù Mỹ Tây	1,8	SXNN
187	Hồ Bờ Bạ	Thôn Trinh Vân, xã Phù Mỹ Tây	2,95	SXNN
188	Hồ Chánh Thuận (Đập Thiệt)	Thôn Thuận Lương, xã Phù Mỹ Tây	13,33	SXNN
189	Bàu Cống	Thôn Thuận Lương, xã Phù Mỹ Tây	2,8	SXNN
190	Hồ Diêm Tiêu	Thôn Thuận Lương, xã Phù Mỹ Tây	105,87	SXNN
191	Đập Đồng Chại	Thôn Trung Sơn, xã Phù Mỹ Tây	0,1	SXNN
192	Đập Đồng Tây	Thôn Trung Sơn, xã Phù Mỹ Tây	0,3	SXNN
193	Đập Đồng Cầu	Thôn Trung Sơn, xã Phù Mỹ Tây	0,3	SXNN
194	Đập Đá	Thôn Trung Sơn, xã Phù Mỹ Tây	0,1	SXNN
195	Đập Đồng Vũ	Thôn Thuận Lương, xã Phù Mỹ Tây	0,2	SXNN
196	Đập Đồng Nhông	Thôn Thuận Lương, xã Phù Mỹ Tây	0,1	SXNN
197	Đập Báu	Thôn Trung Trục, xã Phù Mỹ Tây	0,3	SXNN
198	Đập Bó	Thôn Trung Trục, xã Phù Mỹ Tây	0,3	SXNN
199	Đập Bàu	Thôn Trung Trục, xã Phù Mỹ Tây	0,2	SXNN
200	Lỗ Lát	Thôn Trung Sơn, xã Phù Mỹ Tây	0,1	SXNN
201	Hồ Trinh Vân	Xã Phù Mỹ Tây	61,14	SXNN
202	Hồ Đập Quang	Xã Phù Mỹ Tây	2,7	SXNN
	XÃ TÂY SƠN			
203	Hồ Thủ Thiện	Thôn Bình Nghi, xã Tây Sơn	18,4	SXNN
204	Hồ Hóc Lách	Thôn Bình Nghi, xã Tây Sơn	1,0	-
205	Hồ Hóc Bông	Thôn Tây Xuân, xã Tây Sơn	1,0	SXNN

TT	Tên ao, hồ, đầm	Địa điểm	Diện tích (ha)	Chức năng
206	Hồ Thủy Dẻ	Xã Tây Sơn	10,0	SXNN
	XÃ TUY PHƯỚC TÂY			
207	Hồ Cây Da	Thôn Bình An, xã Tuy Phước Tây	23,32	SXNN
208	Hồ Cây Thích	Thôn Bình An, xã Tuy Phước Tây	21,41	SXNN
209	Hồ Đá Vàng	Thôn Cảnh An, xã Tuy Phước Tây	62,0	SXNN
210	Bàu Sen	Thôn Bình An, xã Tuy Phước Tây	3,37	TTN
211	Bàu Trảy	Thôn Bình An, xã Tuy Phước Tây	1,06	TTN
212	Hồ Hóc Ké	Thôn An Sơn, xã Tuy Phước Tây	680,0	SXNN
213	Ao cá Bác Hồ	Thôn An Hòa, xã Tuy Phước Tây	3,1	TTN
214	Bàu Đưng	Thôn Đại Hội, xã Tuy Phước Tây	28,3	TTN
	XÃ VẠN ĐỨC			
215	Hồ Hồ Chuối	Thôn Thế Thạnh, xã Vạn Đức	4,5	SXNN
216	Hồ Hóc Cua	Xã Vạn Đức	21,0	SXNN
217	Bàu Đá	Thôn Thế Thạnh, Thôn An Thạnh, xã Vạn Đức	15,88	TTN, SXNN
218	Bàu Sen	Thôn Ân Tín, xã Vạn Đức	1,76	SXNN, NTTS
219	Hồ Vạn Hội	Xã Vạn Đức	140,94	SXNN
220	Thủy điện Nước Lương	Xã Vạn Đức	-	PĐ
	XÃ VÂN CANH			
221	Hồ Suối Mây	Thôn Thịnh Văn 2, xã Vân Canh	0,32	SXNN
222	Hồ Hòn Mẻ (tổ 7)	Làng Hòn Mẻ, xã Vân Canh	0,15	SXNN
223	Hồ Làng Trội	Làng Hòn Mẻ, xã Vân Canh	1,2	SXNN
224	Hồ Suối Đuốc	Thôn Hiệp Hà, xã Vân Canh	19,43	SXNN
	XÃ VĨNH QUANG			
225	Ao Cắm	Thôn Tiên An, xã Vĩnh Quang	0,4	SXNN, NTTS
226	Ao Hồ Sâu	Thôn Tiên An, xã Vĩnh Quang	0,06	SXNN, NTTS
227	Ao Mười Bá	Thôn Tiên An, xã Vĩnh Quang	0,03	SXNN, NTTS
228	Bàu Sen	Thôn Tiên An, xã Vĩnh Quang	0,6	SXNN
229	Ao Thúy	Thôn Định Thái, xã Vĩnh Quang	0,8	SXNN, NTTS
230	Ao Thuộc Danh	Thôn Định Thái, xã Vĩnh Quang	0,5	SXNN, NTTS
231	Ao Lớn	Thôn Định Thái, xã Vĩnh Quang	1,0	SXNN, NTTS
232	Ao Tài	Thôn Định Thái, xã Vĩnh Quang	1,1	SXNN, NTTS
233	Ao Đội 5	Thôn Định Quang, xã Vĩnh Quang	0,9	SXNN, NTTS
234	Ao Hang Cua	Thôn Định Trung, xã Vĩnh Quang	0,8	SXNN, NTTS
235	Ao Lê	Thôn Định Xuân, xã Vĩnh Quang	0,5	SXNN, NTTS

TT	Tên ao, hồ, đầm	Địa điểm	Diện tích (ha)	Chức năng
236	Ao Cà Te	Thôn Định Xuân, xã Vĩnh Quang	0,8	SXNN, NTTS
237	Hồ Hà Nhe	Xã Vĩnh Quang	42,70	SXNN
238	Hồ Tà Niềng	Xã Vĩnh Quang	11,21	SXNN
	XÃ VĨNH SƠN			
239	Hồ A Thủy điện Vĩnh Sơn	Xã Vĩnh Sơn	334,12	PĐ
240	Hồ Thủy điện Trà Xom	Xã Vĩnh Sơn	8,690 (DTLV)	PĐ
241	Hồ thủy điện Vĩnh Sơn 5	Xã Vĩnh Sơn	48,200 (DTLV)	PĐ
	XÃ VĨNH THẠNH			
242	Bàu Ông Vị	Thôn Định Thành, xã Vĩnh Thạnh	1,2	SXNN, NTTS
243	Bàu Hương Hỏa	Thôn Định Thành, xã Vĩnh Thạnh	0,2	SXNN, NTTS
244	Bàu Làng	Thôn Định Thành, xã Vĩnh Thạnh	1,3	SXNN, NTTS
245	Bàu Trung	Thôn Định Trị, xã Vĩnh Thạnh	1,2	SXNN, NTTS
246	Hồ sinh thái Bàu Dum	Thôn Định Tổ, xã Vĩnh Thạnh	0,72	MTCQ
247	Bàu Sen	Thôn Định Tổ, xã Vĩnh Thạnh	0,15	MTCQ
248	Bàu Thủy Quyền	Thôn Định Tổ, xã Vĩnh Thạnh	0,9	SXNN NTTS
249	Bàu Nước Tung	Thôn Tà Diệt, xã Vĩnh Thạnh	0,8	SXNN, NTTS
250	Bàu Hóc Cau	Thôn Định Thiên, xã Vĩnh Thạnh	1,9	SXNN, NTTS
251	Hồ Định Bình	Xã Vĩnh Thạnh	1.288,0	SXNN, CNSH, PĐ
252	Hồ thủy điện Ken Lút Hạ	Xã Vĩnh Thạnh	3,011 (DTLV)	PĐ
	XÃ VĨNH THỊNH			
253	Bàu Sen	Thôn Vĩnh Hòa, xã Vĩnh Thịnh	0,4	SXNN
254	Bàu Sen	Thôn Vĩnh Trường, xã Vĩnh Thịnh	0,2	SXNN
255	Bàu Sen	Thôn Vĩnh Hòa, xã Vĩnh Thịnh	0,15	SXNN
256	Hồ Hòn Lập	Thôn Kon Tơ Lok, Xã Vĩnh Thịnh	48,8	SXNN
257	Bàu Thủy	Thôn Vĩnh Cửu, xã Vĩnh Thịnh	1,0	SXNN
	XÃ XUÂN AN			
258	Hồ Hồ Dội	Thôn Cát Nhơn, xã Xuân An	10,0	SXNN
259	Hồ Mường Chuông	Thôn Chánh Mẫn, xã Xuân An	7,36	SXNN
260	Hồ Cửa Khâu	Thôn Cát Tường, xã Xuân An	17,6	SXNN
261	Hồ Tường Sơn	Xã Xuân An	81,81	SXNN
	PHƯỜNG AN BÌNH			
262	Bàu (Ao) Điền	Tổ dân phố 1, phường An Bình	1,677	SXNN
263	Bàu (Ao) Rộc Bẫy	Tổ dân phố 1, phường An Bình	1,078	SXNN
264	Bàu (Ao) Cai Năm	Tổ dân phố 2, phường An Bình	0,567	SXNN
265	Bàu (Ao) Cây Gáo	Tổ dân phố 1, phường An Bình	1,026	SXNN
266	Bàu (Ao) Kho	Tổ dân phố 1, phường An Bình	0,825	SXNN

TT	Tên ao, hồ, đầm	Địa điểm	Diện tích (ha)	Chức năng
267	Bàu (Ao) Lở	Tổ dân phố 3, phường An Bình	1,993	SXNN
268	Bàu (Ao) máy kéo	Tổ dân phố 11, phường An Bình	0,176	SXNN
269	Bàu (Ao) Bảy Phụng	Tổ dân phố 11, phường An Bình	0,178	SXNN
270	Bàu (Ao) Ông Tửu	Tổ dân phố 11, phường An Bình	0,082	SXNN
271	Bàu (Ao) Gia Đàn	Tổ dân phố 7, phường An Bình	0,262	SXNN
272	Bàu (Ao) Rộc Phố	Tổ dân phố 7, phường An Bình	0,292	SXNN
273	Bàu (Ao) Hai Giác	Tổ dân phố 7, phường An Bình	0,431	SXNN
274	Bàu (Ao) Bà Mỹ	Tổ dân phố 7, phường An Bình	0,354	SXNN
275	Bàu (Ao) Bà Thu	Tổ dân phố 7, phường An Bình	0,432	SXNN
276	Bàu (Ao) Hai Thả	Tổ dân phố 8, phường An Bình	0,201	SXNN
277	Bàu (Ao) Đình	Tổ dân phố 8, phường An Bình	0,381	SXNN
278	Bàu (Ao) đội 3	Tổ dân phố 10, phường An Bình	0,452	SXNN
279	Bàu (Ao) Ấu	Tổ dân phố 10, phường An Bình	0,841	SXNN
280	Bàu (Ao) Sáu Hải	Tổ dân phố 10, phường An Bình	0,317	SXNN
281	Bàu (Ao) Lâm Thường	Tổ dân phố 10, phường An Bình	0,297	SXNN
282	Bàu (Ao) Rù Rì	Tổ dân phố 10, phường An Bình	0,488	SXNN
283	Bàu (Ao) Rì An Phong	Tổ dân phố 10, phường An Bình	0,219	SXNN
284	Bàu (Ao) Công đất đen	Tổ dân phố 10, phường An Bình	0,336	SXNN
285	Bàu (Ao) Hai Hoàng	Tổ dân phố 10, phường An Bình	0,169	SXNN
286	Bàu (Ao) Bà Trang	Tổ dân phố 9, phường An Bình	0,469	SXNN
287	Bàu (Ao) Lở	Tổ dân phố 9, phường An Bình	0,822	SXNN
288	Bàu (Ao) Ông Đào	Tổ dân phố 9, phường An Bình	0,315	SXNN
289	Bàu (Ao) Ông Bốn	Tổ dân phố 9, phường An Bình	0,427	SXNN
290	Bàu (Ao) Mười Lễ	Tổ dân phố 9 phường An Bình	0,235	SXNN
291	Bàu (Ao) Thiệu	Tổ dân phố 9, phường An Bình	0,186	SXNN
292	Bàu (Ao) Mười Thanh	Tổ dân phố 9, phường An Bình	0,169	SXNN
293	Hồ Tà Ly I	Tổ dân phố 5, phường An Bình	1,0	SXNN
294	Hồ Tà Ly II	Tổ dân phố 5, phường An Bình	3,8	SXNN
295	Bàu (Ao) Sen	Tổ dân phố 2, phường An Bình	0,8	SXNN
296	Bàu (Ao) Thanh Niên	Tổ dân phố 5, phường An Bình	0,7	SXNN
297	Bàu (Ao) Đá Mài I	Tổ dân phố 5, phường An Bình	0,8	SXNN
298	Bàu (Ao) Đá Mài II	Tổ dân phố 5, phường An Bình	0,3	SXNN
299	Bàu (Ao) Bàn Cúng	Tổ dân phố 5, phường An Bình	0,6	SXNN
	PHƯỜNG AN KHÊ			
300	Bàu (Ao) Dồn	Tổ dân phố 15, phường An Khê	10,0	SXNN
301	Hồ chứa ông Tâm	Tổ dân phố 15, phường An Khê	0,5	SXNN
302	Hồ chứa ông Toàn	Tổ dân phố 15, phường An Khê	0,3	SXNN
303	Hồ chứa ông Đào	Tổ dân phố 15, phường An Khê	0,4	SXNN
304	Bàu (Ao) Rộc Giãn	Tổ dân phố 14, phường An Khê	0,698	SXNN
305	Bàu (Ao) Lở	Tổ dân phố 14, phường An Khê	0,592	SXNN
306	Bàu (Ao) Ấu	Tổ dân phố 14, phường An Khê	0,252	SXNN
307	Bàu (Ao) Lò rèn	Tổ dân phố 14, phường An Khê	0,938	SXNN
308	Bàu (Ao) Nga	Tổ dân phố 14, phường An Khê	0,126	SXNN
309	Bàu (Ao) Sinh Lã	Tổ dân phố 14, phường An Khê	0,343	SXNN
310	Bàu (Ao) Rộc Dừa	Tổ dân phố 14, phường An Khê	0,545	SXNN
311	Bàu (Ao) Giai	Tổ dân phố 14, phường An Khê	0,522	SXNN

TT	Tên ao, hồ, đầm	Địa điểm	Diện tích (ha)	Chức năng
312	Bàu (Ao) Rộc Tới	Tổ dân phố 14, phường An Khê	0,332	SXNN
313	Bàu (Ao) Đáo	Tổ dân phố 14, phường An Khê	0,20	SXNN
314	Bàu (Ao) Phở	Tổ dân phố 14, phường An Khê	0,672	SXNN
315	Bàu (Ao) Rộc Ưu	Tổ dân phố 14, phường An Khê	0,392	SXNN
316	Bàu (Ao) Quỳnh	Tổ dân phố 14, phường An Khê	0,794	SXNN
317	Bàu (Ao) Lê Thai	Tổ dân phố 14, phường An Khê	0,315	SXNN
318	Bàu (Ao) Cài	Tổ dân phố 14, phường An Khê	0,4870	SXNN
319	Bàu (Ao) Sinh Tông	Tổ dân phố 14, phường An Khê	0,1570	SXNN
320	Bàu (Ao) Rộc Trâm	Tổ dân phố 14, phường An Khê	0,327	SXNN
321	Bàu (Ao) Cây Thị	Tổ dân phố 14, phường An Khê	0,77	SXNN
322	Bàu (Ao) Sen	Tổ dân phố 14, phường An Khê	0,515	SXNN
323	Bàu (Ao) Mừng Quân	Tổ dân phố 14, phường An Khê	0,238	SXNN
324	Bàu (Ao) Bằng Lễ	Tổ dân phố 14, phường An Khê	0,576	SXNN
325	Bàu (Ao) Cây Bui	Tổ dân phố 14, phường An Khê	0,43	SXNN
326	Bàu (Ao) Chành Rành	Tổ dân phố 14, phường An Khê	0,347	SXNN
327	Bàu (Ao) Ngựa Tía	Tổ dân phố 14, phường An Khê	1,11	SXNN
328	Bàu (Ao) Cây Tín	Tổ dân phố 14, phường An Khê	0,429	SXNN
329	Bàu (Ao) Cầu Sinh	Tổ dân phố 14, phường An Khê	0,856	SXNN
330	Bàu (Ao) Sen Rộc Hòn	Tổ dân phố 14, phường An Khê	0,886	SXNN
331	Bàu (Ao) Vương Cau	Tổ dân phố 14, phường An Khê	0,148	SXNN
332	Bàu (Ao) Bà Dây	Tổ dân phố 14, phường An Khê	0,152	SXNN
333	Bàu (Ao) Ôi	Tổ dân phố 14, phường An Khê	0,496	SXNN
334	Bàu (Ao) Rộc Trệt	Tổ dân phố 14, phường An Khê	0,295	SXNN
335	Bàu (Ao) Thành	Tổ dân phố 14, phường An Khê	0,27	SXNN
336	Bàu (Ao) Chùa	Tổ dân phố 14, phường An Khê	0,356	SXNN
337	Bàu (Ao) Lại	Tổ dân phố 14, phường An Khê	0,454	SXNN
338	Bàu (Ao) Kính	Tổ dân phố 13, phường An Khê	0,228	SXNN
339	Bàu (Ao) Lễ	Tổ dân phố 13, phường An Khê	0,48	SXNN
340	Bàu (Ao) Mới	Tổ dân phố 13, phường An Khê	0,236	SXNN
341	Bàu (Ao) Da Đá	Tổ dân phố 13, phường An Khê	0,305	SXNN
342	Bàu (Ao) Âm	Tổ dân phố 13, phường An Khê	0,646	SXNN
343	Bàu (Ao) Sen	Tổ dân phố 13, phường An Khê	0,956	SXNN
344	Hồ Rộc Bàu	Tổ dân phố 13, phường An Khê	0,665	SXNN
345	Hồ nước cạnh Núi đá	Tổ dân phố 13, phường An Khê	0,17	SXNN
346	Bàu (Ao) Rộc Nãi	Tổ dân phố 6, phường An Khê	0,325	SXNN
347	Bàu (Ao) Rộc Cù	Tổ dân phố 6, phường An Khê	0,65	SXNN
348	Bàu (Ao) Rộc Chùa	Tổ dân phố 6, phường An Khê	0,21	SXNN
349	Bàu (Ao) Rộc Tre	Tổ dân phố 6, phường An Khê	0,32	SXNN
350	Bàu (Ao) Dinh	Tổ dân phố 6, phường An Khê	0,41	SXNN
351	Bàu (Ao) cá Béc Hồ	Tổ dân phố 1, phường An Khê	0,707	SXNN
	PHƯỜNG AN PHÚ			
352	Hồ Bà Zĩ	Làng Bông Phun, phường An Phú	5,5	SXNN
	PHƯỜNG DIÊN HỒNG			
353	Hồ chứa nước Công	Tổ dân phố 8, Phường Diên	2,63	TTN, PTDL,

TT	Tên ao, hồ, đầm	Địa điểm	Diện tích (ha)	Chức năng
	viên Diên Hồng	Hồng		MTCQ
	PHƯỜNG PLEIKU			
354	Hồ Trà Đa	Tổ dân phố 16, phường Pleiku	8,4	SXNN
355	Hồ nông trường Trà Đa	Tổ dân phố 16, phường Pleiku	3,0	SXNN
	XÃ AYUN			
356	Hồ chứa thôn 5	Xã Ayun	0,1	TTN, SXNN
357	Hồ Yang Trung	Xã Ayun	-	PĐ
	XÃ BÀU CẠN			
358	Hồ Ia Mua	Xã Bàu Cạn	26,0	TTN; PTDL; SXNN
359	Hồ thủy điện Bàu Cạn	Xã Bàu Cạn	-	PĐ, SXNN
	XÃ BIỂN HỒ			
360	Hồ chứa nước làng Hol	Làng Ia Băng, xã Biển Hồ	4,82	SXNN
361	Hồ Ia Băng	Làng Ia Băng, xã Biển Hồ	3,0	SXNN
362	Hồ Ia Ó	Làng Núi, xã Biển Hồ	0,5	SXNN
363	Hồ chứa nước thôn 76	Làng Ia Mút, xã Biển Hồ	1,532	SXNN
364	Hồ Thôn 2	Thôn Nghĩa Hưng 1, xã Biển Hồ	4,224	SXNN
365	Hồ Ea Lũh	Thôn Nghĩa Hưng 4, xã Biển Hồ	6,93	SXNN
366	Hồ thủy lợi Tân Sơn	Thôn Nghĩa Hưng 1, xã Biển Hồ	41,6	SXNN
367	Hồ Thôn 4	Thôn Nghĩa Hưng 4, xã Biển Hồ	0,057	SXNN
368	Hồ Thôn 4	Thôn Nghĩa Hưng 4, xã Biển Hồ	1,67	SXNN
369	Hồ Thôn 6	Thôn Nghĩa Hưng 4, xã Biển Hồ	2,488	SXNN
370	Hồ Thôn 7	Thôn Nghĩa Hưng 2, xã Biển Hồ	2,602	SXNN
371	Hồ Ia Rung	Xã Biển Hồ	-	PĐ
372	Hồ chứa nước Biển Hồ A	Thôn Nghĩa Hưng 3, Xã Biển Hồ	229,35	CNSH, CNCN
373	Hồ thủy lợi Biển Hồ B	Xã Biển Hồ	450	SXNN, MTCQ, PĐ
374	Hồ Cạn Biển Hồ	Lâm Viên Biển Hồ, xã Biển Hồ	3,429	SXNN
	XÃ BỜ NGOONG			
375	Hồ Hờ Mĩng	Thôn Đồng Tâm, xã Bờ Ngoong	36,89	SXNN
376	Hồ thủy lợi Ia Ring	Làng Khôi Zét và Làng Kênh Siêu, xã Bờ Ngoong	112,38	SXNN, CNSH, CNCN
377	Hồ Hổ Lang	Làng Kênh Siêu, xã Bờ Ngoong	7,44	SXNN
378	Hồ Kênh Siêu	Làng Kênh Siêu, xã Bờ Ngoong	3,16	SXNN
	XÃ CHƠ LONG			
379	Ao, đầm	Làng Kúc Gmỏi, xã Chợ Long	0,15	SXNN
380	Ao	Làng Kúc Gmỏi, xã Chợ Long	0,35	SXNN
381	Ao, đầm	Làng Kúc Rong, xã Chợ Long	0,36	SXNN
382	Ao, đầm	Làng Kúc Rong, xã Chợ Long	01,05	SXNN
383	Hồ thủy điện Đak Pi Hao 2	Xã Chợ Long	35,0	PĐ, PL
	XÃ CHƯ A THAI			
384	Hồ thủy lợi Ayun Hạ	Thôn Thanh Thượng, xã Chư A Thai	3.700	CNSH, SXNN, PĐ, CNCN, NTTS

TT	Tên ao, hồ, đầm	Địa điểm	Diện tích (ha)	Chức năng
	XÃ CHƯ PRÔNG			
385	Hồ chứa nước Chư Prông	Xã Chư Prông	60,0	CNSH, SXNN
386	Hồ chứa nước Hoàng Ân	Xã Chư Prông	115,0	SXNN
387	Hồ thủy điện Ia Đrăng 1	Xã Chư Prông	1,5	PĐ, SXNN
388	Hồ thủy điện Ia Đrăng 2	Xã Chư Prông	1,5	PĐ, SXNN
	XÃ CHƯ PUH			
389	Hồ thủy lợi Plei Thơ Ga	Thôn Plei Thơ Ga, xã Chư Puh	102,2	SXNN, TTN, CNSH
	XÃ CHƯ SÊ			
390	Hồ thủy lợi Ia Glai	Thôn Yon Tok, xã Chư Sê	70,0	SXNN, CNCN
391	Hồ Ia Pal	Thôn Phú Cường, xã Chư Sê	11,7	SXNN
392	Hồ Cạn	Thôn Đoàn Kết, xã Chư Sê	1,8	SXNN
393	Đập Dun Bêu	Thôn Dun Bêu, xã Chư Sê	0,45	SXNN
	XÃ CỬU AN			
394	Bàu (Ao) Rộc Quý	Thôn Thượng An, xã Cửu An	0,145	SXNN
395	Bàu (Ao) Xu	Thôn Thượng An, xã Cửu An	0,08	SXNN
396	Bàu (Ao) Rộc Dờ	Thôn Cửu Đạo, xã Cửu An	0,238	SXNN
397	Bờ Đập	Thôn An Điền Bắc, xã Cửu An	-	SXNN
398	Đập Chày	Thôn An Điền Nam, xã Cửu An	-	SXNN
399	Bàu (Ao) Lớ	Thôn An Điền Nam, xã Cửu An	0,453	SXNN
400	Bàu (Ao) nhỏ	Thôn An Điền Bắc, xã Cửu An	0,449	SXNN
401	Bàu (Ao) Hóc Rỏi	Thôn An Điền Bắc, xã Cửu An	0,325	SXNN
402	Bàu (Ao) Hóc Cối	Thôn An Điền Bắc, xã Cửu An	0,41	SXNN
403	Bàu (Ao) Tre	Thôn An Điền Bắc, xã Cửu An	0,354	SXNN
404	Bàu (Ao) Me	Thôn An Điền Bắc, xã Cửu An	0,87	SXNN
405	Bàu (Ao) Lò Gạch	Thôn An Bình, xã Cửu An	0,265	SXNN
406	Bàu (Ao) Lát	Thôn An Bình, xã Cửu An	0,416	SXNN
407	Bàu (Ao) Quy	Thôn An Điền Bắc, xã Cửu An	0,648	SXNN
408	Bàu (Ao) Lớn	Thôn An Thượng 2, xã Cửu An	0,56	SXNN
409	Bàu (Ao) Chán Hai	Thôn An Thượng 2, xã Cửu An	0,147	SXNN
410	Bàu (Ao) Chuyện	Thôn An Thượng 3, xã Cửu An	0,192	SXNN
411	Bàu (Ao) Hữu	Thôn An Thượng 3, xã Cửu An	0,261	SXNN
412	Bàu (Ao) Cây Xoài	Thôn Thượng An, xã Cửu An	0,256	SXNN
413	Bàu (Ao) Truyền	Thôn Thượng An, xã Cửu An	0,243	SXNN
414	Bàu (Ao) Lùn	Thôn Thượng An, xã Cửu An	0,428	SXNN
415	Bàu (Ao) Lớn	Thôn Thượng An, xã Cửu An	0,592	SXNN
416	Bàu (Ao) Thanh	Thôn Thượng An, xã Cửu An	0,289	SXNN
417	Bàu (Ao) Trong	Thôn Thượng An, xã Cửu An	0,105	SXNN
418	Bàu (Ao) Mới	Thôn An Điền Nam, xã Cửu An	0,558	SXNN
419	Bàu (Ao) Hóc Quýt	Thôn An Điền Nam, xã Cửu An	0,439	SXNN
420	Bàu (Ao) Cây ló	Thôn An Điền Bắc, xã Cửu An	1,089	SXNN
421	Bàu (Ao) Lỗ Bún	Thôn An Điền Nam, xã Cửu An	1,032	SXNN
422	Bàu (Ao) Bông Giang	Thôn An Điền Nam, xã Cửu An	0,12	SXNN

TT	Tên ao, hồ, đầm	Địa điểm	Diện tích (ha)	Chức năng
	1			
423	Bàu (Ao) Trại	Thôn An Điền Nam, xã Cửu An	0,739	SXNN
424	Bàu (Ao) Lớn Cây Sanh	Thôn An Điền Bắc, xã Cửu An	1,998	SXNN
425	Ao Tập thể	Thôn An Điền Nam, xã Cửu An	0,139	SXNN
426	Bàu (Ao) Cả	Thôn An Điền Bắc, xã Cửu An	0,69	SXNN
427	Bàu (Ao) Cây Sanh	Thôn An Điền Nam, xã Cửu An	0,326	SXNN
428	Bàu (Ao) Hóc Ngõ	Thôn An Điền Bắc, xã Cửu An	0,337	SXNN
429	Bàu (Ao) Bàng	Thôn An Điền Nam, xã Cửu An	1,714	SXNN
430	Bàu (Ao) Nhỏ	Thôn An Điền Bắc, xã Cửu An	0,29	SXNN
431	Bàu (Ao) Hóc Phong	Thôn An Điền Bắc, xã Cửu An	0,214	SXNN
432	Bàu (Ao) Tre Con Ến	Thôn An Bình, xã Cửu An	1,429	SXNN
433	Bàu (Ao) Mừng Quân	Thôn An Bình, xã Cửu An	0,764	SXNN
434	Bàu (Ao) Cây Bông	Thôn An Bình, xã Cửu An	0,621	SXNN
435	Bàu (Ao) Rộc Bành	Thôn An Bình, xã Cửu An	0,371	SXNN
436	Bàu (Ao) Cây Táo	Thôn An Bình, xã Cửu An	0,338	SXNN
437	Bàu (Ao) Rừng Cừ	Thôn An Bình, xã Cửu An	0,479	SXNN
438	Bàu (Ao) Sáng	Thôn An Bình, xã Cửu An	0,271	SXNN
439	Bàu (Ao) Tre	Thôn An Bình, xã Cửu An	0,78	SXNN
440	Bàu (Ao) Sau	Thôn An Bình, xã Cửu An	0,386	SXNN
441	Bàu (Ao) Sinh	Thôn An Bình, xã Cửu An	0,102	SXNN
442	Bàu (Ao) Rộc Lách	Thôn An Bình, xã Cửu An	0,669	SXNN
443	Bàu (Ao) Dừng	Thôn An Bình, xã Cửu An	0,448	SXNN
444	Bàu (Ao) Giáng Hương	Thôn An Bình, xã Cửu An	0,927	SXNN
445	Bàu (Ao) Cây Chanh	Thôn An Bình, xã Cửu An	0,258	SXNN
446	Bàu (Ao) Lỡ	Thôn An Bình, xã Cửu An	0,429	SXNN
447	Bàu (Ao) Kè	Thôn An Bình, xã Cửu An	0,148	SXNN
448	Bàu (Ao) Bông Giang 2	Thôn An Điền Nam, xã Cửu An	0,358	SXNN
449	Bàu (Ao) Hộ	Thôn An Bình, xã Cửu An	1,766	SXNN
450	Bàu (Ao) Tre Ngõ	Thôn An Bình, xã Cửu An	0,533	SXNN
451	Bàu (Ao) Cây Da	Thôn An Xuân, xã Cửu An	3,757	SXNN
452	Bàu (Ao) Rộc Giáo	Thôn An Xuân, xã Cửu An	0,746	SXNN
453	Bàu (Ao) Phụng Hiên	Thôn An Xuân, xã Cửu An	0,11	SXNN
454	Bàu (Ao) Rộc Lớn	Thôn An Xuân, xã Cửu An	0,331	SXNN
455	Bàu (Ao) Bàng	Thôn An Xuân, xã Cửu An	0,996	SXNN
456	Bàu (Ao) Rộc Sạn	Thôn An Xuân, xã Cửu An	1,321	SXNN
457	Bàu (Ao) Mới	Thôn An Xuân, xã Cửu An	1,363	SXNN
458	Bàu (Ao) Tre	Thôn An Thạch, xã Cửu An	0,594	SXNN
459	Bàu (Ao) Miếu	Thôn An Thạch, xã Cửu An	0,594	SXNN
460	Bàu (Ao) Cừ	Thôn An Thạch, xã Cửu An	0,725	SXNN
461	Bàu (Ao) Hộ	Thôn An Thạch, xã Cửu An	1,125	SXNN
462	Bàu (Ao) Mừng Quân	Thôn An Thạch, xã Cửu An	0,399	SXNN
463	Bàu (Ao) Trước	Thôn An Thạch, xã Cửu An	0,557	SXNN
464	Bàu (Ao) Hòn Lúp	Thôn An Thạch, xã Cửu An	0,308	SXNN
465	Bàu (Ao) Cây Thị	Thôn An Xuân, xã Cửu An	1,465	SXNN

TT	Tên ao, hồ, đầm	Địa điểm	Diện tích (ha)	Chức năng
466	Bàu (Ao) Cây Cui	Thôn Cửu Đạo, xã Cửu An	2,162	SXNN
467	Bàu (Ao) Yên	Thôn Cửu Đạo, xã Cửu An	1,191	SXNN
468	Bàu (Ao) Rộc Tảo	Thôn Cửu Đạo, xã Cửu An	0,372	SXNN
469	Bàu (Ao) Sủm	Thôn Tú Thủy 1, xã Cửu An	1,209	SXNN
470	Bàu (Ao) Đá	Thôn Tú Thủy 1, xã Cửu An	0,369	SXNN
471	Bàu (Ao) Mới	Thôn Tú Thủy 1, xã Cửu An	1,417	SXNN
472	Bàu (Ao) Lượng	Thôn Cửu Đạo, xã Cửu An	0,61	SXNN
473	Bàu (Ao) Rộc Môn	Thôn Cửu Đạo, xã Cửu An	0,525	SXNN
474	Bàu (Ao) Chào Rào	Thôn Cửu Đạo, xã Cửu An	0,121	SXNN
475	Bàu (Ao) Ấu	Thôn Thượng An, xã Cửu An	1,012	SXNN
476	Hồ chứa Hòn Cỏ	Thôn Thượng An, xã Cửu An	4,628	SXNN
477	Bàu (Ao) Hạp	Thôn Thượng An, xã Cửu An	0,369	SXNN
478	Bàu (Ao) Phụng	Thôn An Điền Bắc, xã Cửu An	2,985	SXNN
479	Bàu (Ao) Làng	Thôn An Điền Bắc, xã Cửu An	2,12	SXNN
480	Bàu (Ao) Chánh	Thôn An Điền Nam, xã Cửu An	1,151	SXNN
481	Bàu (Ao) 10A (10 Thiên)	Thôn An Điền Bắc, xã Cửu An	3,492	SXNN
482	Bàu (Ao) Sen	Thôn An Điền Bắc, xã Cửu An	2,843	SXNN
483	Bàu (Ao) Lớn Sinh	Thôn An Điền Bắc, xã Cửu An	1,152	SXNN
484	Đập Cây Ké (Bàu (Ao)/ao Cây ké)	Thôn An Xuân, xã Cửu An	4,215	SXNN
485	Hồ suối Le	Thôn Tú Thủy 1, xã Cửu An	5,252	SXNN
486	Bàu (Ao) Tre	Thôn An Thạch, xã Cửu An	0,827	SXNN
487	Bàu (Ao) Mười A	Thôn An Điền Bắc, xã Cửu An	3,497	SXNN
488	Hồ Mười Thiều	Xã Cửu An	-	SXNN
489	Hồ chứa nước làng Pơ Nang	Xã Cửu An	4,5	SXNN
490	Đập Giảo	Thôn An Thạch, xã Cửu An	4,301	SXNN
491	Đập Đất Khách	Thôn An Thượng 3, xã Cửu An	1,286	SXNN
492	Hồ chứa nước làng Nhoi	Xã Cửu An	1,6	SXNN
493	Bàu (Ao) Tre	Thôn Cửu Đạo, xã Cửu An	0,238	SXNN
494	Đập Dừng	Thôn An Bình, xã Cửu An	1,819	SXNN
495	Đập Dầu	Thôn An Điền Bắc, xã Cửu An	919	SXNN
496	Đập Soi Tròn	Thôn An Điền Nam, xã Cửu An	1,751	SXNN
497	Đập dâng Suối Tôm	Làng Pốt, xã Cửu An	-	SXNN
498	Đập Hòn Ngang	Thôn Thượng An, xã Cửu An	1,451	SXNN
499	Đập Bụng	Thôn An Thượng 2, xã Cửu An	0,192	SXNN
500	Đập Quán Bút	Thôn An Điền Bắc, xã Cửu An	-	SXNN
501	Đập Phân Sa	Thôn An Điền Nam, xã Cửu An	-	SXNN
502	Đập Cây Da	Thôn An Điền Nam, xã Cửu An	-	SXNN
503	Đập Tà Dinh	Thôn An Điền Nam, xã Cửu An	-	SXNN
504	Đập Hạnh	Thôn An Điền Nam, xã Cửu An	-	SXNN
505	Đập Sỷ	Thôn An Điền Nam, xã Cửu An	-	SXNN
506	Bàu (Ao) Ngoài	Thôn Thượng An, xã Cửu An	0,24	SXNN
507	Đập Ý	Thôn An Điền Nam, xã Cửu An	0,264	SXNN
	XÃ ĐAK ĐOA			

TT	Tên ao, hồ, đầm	Địa điểm	Diện tích (ha)	Chức năng
508	Hồ Thủy lợi (đập 3-1)	Xã Đak Đoa	7,405	SXNN
509	Hồ thủy điện Thác Ba	Xã Đak Đoa	15,0	PĐ, SXNN
	XÃ ĐAK PƠ			
510	Bàu (Ao) cụ lão	Thôn 2, xã Đak Pơ	0,65	SXNN
511	Bàu (Ao) Thanh Niên	Thôn 2, xã Đak Pơ	0,856	SXNN
512	Bàu (Ao) Ông Hữu	Thôn 2, xã Đak Pơ	0,956	SXNN
513	Bàu (Ao) Ngọc Dũng	Thôn 2, xã Đak Pơ	0,45	SXNN
514	Hồ Thôn Trang	Làng Jro Dong, xã Đak Pơ	3,7	SXNN
515	Hồ Klăh Môn	Làng Klăh Môn, xã Đak Pơ	0,58	SXNN
516	Hồ Cà Tung	Thôn 2, xã Đak Pơ	10,0	CNSH, SXNN
517	Hồ Công viên (hồ lớn)	Thôn 2, xã Đak Pơ	3,0	MTCQ
518	Hồ Công viên (hồ nhỏ)	Thôn 2, xã Đak Pơ	1,0	MTCQ
519	Hồ Tiếp giáp MTTQ huyện	Thôn 2, xã Đak Pơ	0,4	MTCQ
520	Ao cá Bác Hồ	Thôn 2, xã Đak Pơ	6,0	MTCQ
521	Hồ trước TTYT huyện	Thôn 2, xã Đak Pơ	8,0	MTCQ
	XÃ ĐAK RONG			
522	Hồ Thủy điện Krông Pa 2	Xã Đak Rong	9,0	PĐ, PL
523	Hồ thủy điện Đak Ble	Xã Đak Rong	7,7	PĐ, PL
524	Hồ Đak Krek	Làng Kon Lanh, xã Đak Rong	0,35	SXNN
525	Hồ C thủy điện Vĩnh Sơn	Xã Đak Rong	320,0	PĐ, PL
	XÃ ĐAK SOMEI			
526	Hồ thủy lợi căn cứ Hậu cần	Xã Đak Somei	59,915	SXNN
	XÃ ĐỨC CƠ			
527	Hồ Tổ dân phố 5	Thôn Chư Ty 1, xã Đức Cơ	2,3	SXNN
528	Hồ Sư đoàn 15 (cũ)	Thôn Chư Ty 6, xã Đức Cơ	4,7	SXNN
529	Hồ Tổ dân phố 7	Thôn Chư Ty 6, xã Đức Cơ	1,7	SXNN
530	Hồ Công viên Đức Cơ	Thôn Chư Ty 2, xã Đức Cơ	2,5	TTN, MTCQ
	XÃ GÀO			
531	Hồ Ia Hung	Plei Gao D, xã Gào	5,474	SXNN
532	Hồ Ia Nao	Thôn Plei Thoong, xã Gào	3,9	SXNN
533	Hồ Ia Xe	Thôn Plei Thoong, xã Gào	0,15	SXNN
534	Hồ Ku Toong	Plei Ku Tong, Xã Gào	8,0	SXNN
535	Hồ Ia Lâm	Plei De Chí, Xã Gào	3,0	SXNN
536	Hồ Ia Jong	Plei O Grang, Xã Gào	8,0	SXNN
	XÃ HRA			
537	Hồ thủy lợi Hra Bắc	Xã Hra	13,65	SXNN
538	Hồ thủy lợi Hra Nam	Xã Hra	29,67	SXNN, CNSH
	XÃ IA BĂNG			
539	Hồ Ia Băng	Thôn La Sơn, xã Ia Băng	3,0	SXNN
540	Hồ Doanh nghiệp Đức Cường	Thôn O, xã Ia Băng	1,0	SXNN
541	Hồ Đak Ơi	thôn Biă Tih, xã Ia Băng	35,12	MTCQ
542	Hồ Phạm Quang Đạo	Thôn O, xã Ia Băng	0,3	SXNN

TT	Tên ao, hồ, đầm	Địa điểm	Diện tích (ha)	Chức năng
543	Đầm Ia Bông	Thôn O Đất, xã Ia Bông	5,0	SXNN
544	Hồ Ia Nol	Thôn Alphun, xã Ia Bông	0,15	SXNN
	XÃ IA BOÔNG			
545	Hồ thủy điện Ia Púch 3	Xã Ia Boông	3,5	PĐ, PL
546	Hồ thủy điện Ia Muar 3	Xã Ia Boông	8,0	PĐ, SXNN
547	Hồ thủy điện Ia Đrăng 3	Xã Ia Boông	20,0	PĐ, SXNN
	XÃ IA CHIA			
548	Hồ đập Ia Grúi	Xã Ia Chia	-	SXNN
	XÃ IA DREH			
549	Hồ thủy lợi Ia Dreh	Xã Ia Dreh	109,89	SXNN
550	Hồ thủy điện sông Ba Hạ	Xã Ia Dreh	90,2	PĐ, PL
	XÃ IA DOK			
551	Hồ Ia Blan	Làng Dok Lăh, xã Ia Dok	18,7	SXNN
552	Hồ Làng Mới	Làng Dok Ngol, xã Ia Dok	9,1	SXNN
553	Hồ thủy điện Ia Krel	Thôn Đoàn kết, xã Ia Dok	24,9	SXNN PĐ, PL
	XÃ IA GRAI			
554	Hồ Ia Năng	Thôn 4, Xã Ia Grai	10,0	SXNN
555	Hồ C5	Thôn 5, Xã Ia Grai	17,13	SXNN
556	Hồ thủy điện Chư Prông	Làng Ia Grăng 1, Xã Ia Grai	23,8	PĐ, PL
557	Hồ thủy điện Ia Hrug	Làng Ia Grăng 1, Xã Ia Grai	10,68	PĐ, PL
558	Hồ thủy điện Ia Grăng 1	Làng Bejk, Xã Ia Grai	7,23	PĐ, PL
	XÃ IA HIAO			
559	Hồ EKrát	Thôn Thanh Bình, xã Ia Hiao	6,0	SXNN
	XÃ IA HRUNG			
560	Hồ làng Me	Làng Máih, xã Ia Hrug	8,0	SXNN
561	Hồ Ia Bong	Làng Máih, xã Ia Hrug	5,0	SXNN
562	Hồ Ia Bát	Làng Máih, xã Ia Hrug	-	SXNN
563	Hồ C5	Thôn Thanh Hà, Xã Ia Hrug	-	SXNN
564	Hồ đội 10	Làng Máih, xã Ia Hrug	9,0	SXNN
565	Hồ đội 4	Thôn Thanh Hà, xã Ia Hrug	4,34	SXNN
566	Hồ Ia Hrug (Hồ đội 1)	Thôn Thanh Hà, xã Ia Hrug	9,57	SXNN
567	Hồ Ia Thông	Làng Máih, xã Ia Hrug	21,771	SXNN
568	Hồ đội 2	Thôn Thanh Hà, xã Ia Hrug	8,69	SXNN
569	Hồ thủy lợi Ia Hrug	Xã Ia Hrug	3,95 ha	SXNN
570	Hồ Đập tràn Ia Kha (Đập tràn C3)	Thôn Thanh Hà, xã Ia Hrug	11,7	SXNN
571	Hồ Ia Tâu	Làng Ngai Ngó, xã Ia Hrug	5,8	SXNN
572	Hồ Đội 3	Thôn Thanh Hà, xã Ia Hrug	6,1	SXNN
573	Hồ Đội 5	Thôn Thanh Hà, xã Ia Hrug	1,71	SXNN
574	Hồ Làng Tốt	Xã Ia Hrug	0,2	SXNN
575	Hồ đội 3 (bản Jút)	Xã Ia Hrug	-	SXNN

TT	Tên ao, hồ, đầm	Địa điểm	Diện tích (ha)	Chức năng
576	Hồ trạm xá	Xã Ia Hung	-	SXNN
577	Hồ đội 8	Xã Ia Hung	-	SXNN
578	Hồ đập Ia Tê	Xã Ia Hung	-	SXNN
579	Hồ đội C3 đội 2	Xã Ia Hung	-	SXNN
580	Hồ đội 2	Xã Ia Hung	-	SXNN
581	Hồ đội 1	Xã Ia Hung	-	SXNN
582	Hồ đội 9 (số 1)	Xã Ia Hung	-	SXNN
583	Hồ đội 9 (số 2)	Xã Ia Hung	-	SXNN
584	Hồ đội 2	Thôn Thanh Hà, xã Ia Hung	2,5	SXNN
585	Hồ đội 5	Thôn Hưng Bình, xã Ia Hung	6,0	SXNN
586	Hồ đội 2	Thôn Lập Thành, xã Ia Hung	6,0	SXNN
	XÃ IA KHUỒL			
587	Hồ thủy điện Hà Tây	Làng Kon Sơn Lang, Xã Ia Khuol	138,0	PĐ, PL
	XÃ IA KO			
588	Hồ Tai Glai	Làng Tai Glai, xã Ia Ko	5,0	SXNN
	XÃ IA KRÁI			
589	Hồ Ia Tá	Xã Ia Krái	9,0	SXNN
590	Hồ chứa nước Ia Tôn A	Thôn Ia Blan, xã Ia Krái	12,0	SXNN
591	Hồ chứa nước Ia Ran	Thôn Ia Blan, xã Ia Krái	9,0	SXNN
592	Hồ chứa nước Ia Pếch	Xã Ia Krái	-	SXNN
593	Hồ Thủy Điện Ia Grai 1 (hồ A)	Xã Ia Krái	328,0	PĐ, PL
594	Hồ Thủy Điện Ia Grai 1 (hồ B)	Xã Ia Krái	1,2	PĐ, PL
595	Hồ Thủy Điện Ia Grai 2	Xã Ia Krái	710,0	PĐ, PL
596	Hồ đội 2	Xã Ia Krái	-	SXNN
597	Hồ 707	Thôn 2, xã Ia Krái	-	SXNN
598	Hồ đội 4 (1)	Xã Ia Krái	-	SXNN
599	Hồ đội 4 (2)	Xã Ia Krái	-	SXNN
600	Hồ đội 7	Xã Ia Krái	-	SXNN
601	Hồ đội 9	Xã Ia Krái	-	SXNN
602	Hồ Thanh niên	Thôn 1, xã Ia Krái	-	SXNN
603	Hồ đội 6	Xã Ia Krái	-	SXNN
604	Hồ chứa nước Ia Tôn B	Thôn 5, xã Ia Krái	8,2	SXNN
605	Hồ thủy điện Ia Grai 3	Xã Ia Krái	360,0	PĐ, PL
	XÃ IA KRÊL			
606	Hồ C5	Thôn Quyết Thắng, xã Ia Krêl	1,4	SXNN
607	Hồ Làng Khóp	Xã Ia Krêl	3,2	SXNN
	XÃ IA LÂU			
608	Hồ thủy lợi Plei Pai	Xã Ia Lâu	604,7	SXNN, CNSH
609	Hồ thủy điện Ia Lóp	Xã Ia Lâu	15,0	PĐ, SXNN
	XÃ IA LY			
610	Hồ thủy điện Sê San 3	Xã Ia Ly	320,0	PĐ, NTTS

TT	Tên ao, hồ, đầm	Địa điểm	Diện tích (ha)	Chức năng
611	Hồ thủy điện Ry Ninh II	Xã Ia Ly	4,371	PD, PL
612	Hồ thủy điện Ry Ninh	Thôn Ia Ping, xã Ia Ly	4,7	PD, PL
613	Hồ Ia Mơ Nông	Làng AL, xã Ia Ly	64,0	SXNN
	XÃ IA MƠ			
614	Hồ thủy lợi Ia Mơ	Xã Ia Mơ	2.510	PTDL, SXNN, CNSH, NTTS, PD
	XÃ IA NAN			
615	Hồ C3	Xã Ia Nan	6,7	SXNN
616	Hồ thủy lợi Làng Sơn	Xã Ia Nan	3,0	SXNN
617	Hồ thủy lợi Làng Tung	Xã Ia Nan	3,0	SXNN
	XÃ IA O			
618	Hồ Làng Cúc	Làng Cúc, xã Ia O	8,0	SXNN
619	Hồ đội 12	Làng Lân, xã Ia O	-	SXNN
620	Hồ đội 15	Làng Mít Kom II, xã Ia O	-	SXNN
621	Hồ đội 16	Làng Mít Kom II, xã Ia O	-	SXNN
622	Hồ đội 17	Xã Ia O	-	SXNN
623	Hồ đội 18	Làng Mít Kom II, xã Ia O	-	SXNN
	XÃ IA PA			
624	Hồ Sen	Thôn BahLeng, xã Ia Pa	2,0	SXNN, NTTS
625	Hồ Sen	Thôn BahLeng, xã Ia Pa	7,0	SXNN, NTTS
	XÃ IA PHÍ			
626	Hồ đội 3	Làng Bàng, xã Ia Phí	10,0	SXNN
627	Hồ đội 7	Thôn 4, xã Ia Phí	0,5	SXNN
628	Hồ đội 9	Thôn 4, xã Ia Phí	0,7	SXNN
	XÃ IA PIA			
629	Hồ C1	Xã Ia Pia	-	SXNN
630	Hồ C2	Xã Ia Pia	-	SXNN
631	Hồ C3	Xã Ia Pia	-	SXNN
632	Hồ C3	Xã Ia Pia	-	SXNN
	XÃ IA PNÔN			
633	Hồ C5	Làng Chan, xã Ia Pnôn	15,1	SXNN
634	Hồ C12	Làng Chan, xã Ia Pnôn	6,7	SXNN
635	Hồ thủy lợi Ia Sáp	Làng Bua, xã Ia Pnôn	4,3	SXNN
	XÃ IA PÚCH			
636	Hồ chứa nước Ia Púch	Xã Ia Púch	21,2	TTN, SXNN
	XÃ IA RSAI			
637	Đầm cói	Thôn Quỳnh Phụ, xã Ia Rsai	2,45	SXNN
638	Ao tự nhiên	Buôn Chư Jú, xã Ia Rsai	0,312	SXNN
639	Hồ Cây	Thôn Chư Gu, xã Ia Rsai	1,0	SXNN
640	Hồ Buôn Lao	Thôn Chư Gu, xã Ia Rsai	1,974	SXNN
641	Hồ Chư Gu	Xã Ia Rsai	-	SXNN
	XÃ IA SAO			
642	Hồ thủy lợi Ia Rtô	Bôn Khăn, xã Ia Sao	42,54	SXNN, CNSH
	XÃ IA TUL			
643	Hồ Ia Tona Rmai	Bôn Biah A, xã Ia Tul	0,5	SXNN, NTTS
644	Hồ Ia Tona Ptao	Bôn Biah A, xã Ia Tul	0,8	SXNN, NTTS

TT	Tên ao, hồ, đầm	Địa điểm	Diện tích (ha)	Chức năng
	(trên)			
645	Hồ Ia Tona Aliang	Bôn Biah A, xã Ia Tul	0,7	SXNN, NTTS
646	Hồ Ia Tona Ptao (dưới)	Bôn Biah A, xã Ia Tul	0,6	SXNN, NTTS
	XÃ KBANG			
647	Hồ Công viên	Thôn 4, xã Kbang	0,05	MTCQ
648	Hồ Thủy điện Ka Nak	Xã Kbang	1700,0	PĐ, PL
649	Hồ Đăk Đăng	Xã Kbang	10,0	SXNN
	XÃ KDANG			
650	Hồ Cống Vôi	Thôn Cầu Vàng, xã KDang	1,27	SXNN
651	Hồ Hnap	Thôn Aluk, xã KDang	0,24	SXNN
652	Hồ Lam Sơn	Thôn BotGrek, xã KDang	0,1	SXNN
653	Hồ thủy điện Đăk H'Nol	Xã KDang	0,6	PĐ, SXNN
	XÃ KÔNG BƠ LA			
654	Hồ Rong	Xã Kông Bơ La	0,65	SXNN
655	Hồ Lâm Sinh	Xã Kông Bơ La	4,0	SXNN
	XÃ KÔNG CHRO			
656	Hồ TPong	Xã Kông Chro	0,9	SXNN, CNSH
657	Hồ thủy điện Đăk Srông	Xã Kông Chro	67,0	PĐ, PL
	XÃ KON CHIÊNG			
658	Hồ thủy điện Đak Pi Hao1	Xã Kon Chiêng	4,9	PĐ, PL, SXNN
	XÃ KON GANG			
659	Hồ chứa nước suối Đak Jrang	Xã Kon Gang	2,273	SXNN
660	Hồ chứa nước Công ty cà phê	Thôn Kóp, xã Kon Gang	3,024	SXNN
661	Hồ Ba Bông	Thôn 2, xã Kon Gang	2,0	SXNN
	XÃ KRONG			
662	Ao Làng Sơ Lam	Làng Sơ Lam, xã Krong	0,04	SXNN
663	Hồ Mơ Trai	Làng Đăk Kopier, xã Krong	2,0	SXNN
	XÃ LƠ PANG			
664	Hồ thủy điện Ayun Trung	Xã Lơ Pang	29,71	PĐ, PL, SXNN
665	Hồ thủy điện Ayun Thượng 1A	Xã Lơ Pang	32,09	PĐ, PL, SXNN
666	Hồ thủy điện H'Chan	Xã Lơ Pang	10,0	PĐ, PL, SXNN
667	Hồ thủy điện Plei Keo	Xã Lơ Pang	14,59	PĐ, PL, SXNN
	XÃ MANG YANG			
668	Hồ đập dâng nước thị trấn Kon Dong	Xã Mang Yang	5,0	TTN, SXNN
669	Hồ chứa Đak Neur	Xã Mang Yang	5,0	SXNN
670	Hồ chứa nước gần Kho K 896	Xã Mang Yang	3,144	SXNN
	XÃ PHÚ THIÊN			

TT	Tên ao, hồ, đầm	Địa điểm	Diện tích (ha)	Chức năng
671	Hồ KLăh	Thôn Hiệp Thắng, xã Phú Thiện	2,75	NTTS
672	Hồ Krang	Thôn Plei Kte, xã Phú Thiện	10,7	SXNN
673	Hồ Ktoan	Thôn Plei Kual, xã Phú Thiện	14,2	SXNN
674	Hồ nước Ia Wing	Thôn Ia Yeng, xã Phú Thiện	1,98	SXNN
675	Hồ nước Ayun Klüh	Thôn Plei Kual, xã Phú Thiện	5,78	SXNN
	XÃ PHÚ TỨC			
676	Hồ Ia Thong Toi	Buôn Chư Ngọc, xã Phú Túc	8,9	SXNN
677	Hồ Rơ Nao Kơ Nhí	Buôn Ia Mlah, xã Phú Túc	0,4	SXNN
678	Hồ thủy lợi Ia M'Lah	Xã Phú Túc	404,0	SXNN, CNSH, PL
679	Hồ thủy lợi Phú Cần	Buôn Phú Cần, xã Phú Túc	35,13	SXNN, CNSH
	XÃ SON LANG			
680	Đầm suối cạn	Thôn 5, xã Sơn Lang	15,0	TTN, SXNN
681	Đầm suối cạn	Thôn 6, xã Sơn Lang	25,0	TTN, SXNN
682	Ao Trạm Lập	Thôn 8, xã Sơn Lang	0,4	TTN, SXNN
683	Hồ B thủy điện Vĩnh Sơn	Xã Sơn Lang	1000,0	PĐ, PL
684	Hồ Buôn Lưới	Thôn 3, xã Sơn Lang	33,0	SXNN
685	Hồ Plei Tơ Kơ	Xã Sơn Lang	42,0	SXNN
	XÃ TƠ TUNG			
686	Hồ Gu Ga	Làng Mohra, xã Tơ Tung	4,0	SXNN
	XÃ UAR			
687	Đầm Mơ Nao Ka Tung	Buôn Nu, xã Uar	171,1	SXNN
688	Hồ thủy điện Đăk Srông 3A	Buôn Phùm, Xã Uar	134,0	PĐ, PL
689	Hồ thủy điện Đăk Srông 3B	Buôn Phùm, Xã Uar	77,0	PĐ, PL
	XÃ YA HỘI			
690	Hồ Tờ Đơ	Thôn An Quý, xã Ya Hội	2,051	SXNN
691	Bàu (Ao) Âu	Thôn Phú An, xã Ya Hội	4,74	SXNN, NTTS
692	Bàu (Ao) Thủy Nông	Thôn Phú An, xã Ya Hội	2,198	SXNN, NTTS
	XÃ YA MA			
693	Ao, đầm	Làng Đăk Hway, xã Ya Ma	0,12	SXNN
694	Ao, đầm	Làng Đăk Hway, xã Ya Ma	0,15	SXNN
695	Ao, đầm	Làng Đăk Hway, xã Ya Ma	0,08	SXNN
696	Ao, đầm	Làng Đăk Hway, xã Ya Ma	0,35	SXNN

Ghi chú:

SXNN: Cấp nước sản xuất nông nghiệp

CNSH: Cấp nước sinh hoạt

CNCN: Cấp nước công nghiệp

NTTS: Nuôi trồng thủy sản

PĐ: Phát điện

PL: Phòng lũ

TTN: Tiêu thoát nước

MTCQ: Môi trường cảnh quan

DTLV: Diện tích lưu vực

BÁO CÁO THUYẾT MINH
Về việc điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm
không được san lấp trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai

Thực hiện quy định của Luật Tài nguyên nước năm 2023 và chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Môi trường tại Văn bản số 2657/BNMT-TNN ngày 23/3/2026 về việc rà soát, cập nhật danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp hoàn thành trước ngày 01/7/2026; UBND tỉnh kính báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh nội dung thuyết minh về việc điều chỉnh, bổ sung Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp trên địa bàn tỉnh như sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH

1. Căn cứ pháp lý

Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2023.

Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.

Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước.

Văn bản số 2657/BNMT-TNN ngày 23 tháng 3 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Sự cần thiết ban hành

Theo quy định tại Khoản 5 Điều 97 Luật Tài nguyên nước năm 2023 và yêu cầu của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các địa phương đã phê duyệt Danh mục ao, hồ không san lấp trước ngày 01/7/2024 phải hoàn thành rà soát, cập nhật và công bố trước ngày 01/7/2026.

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, việc rà soát điều chỉnh, bổ sung Danh mục ao, hồ không san lấp tại Quyết định số 605/QĐ-UBND (Gia Lai) và Quyết định số 1433/QĐ-UBND (Bình Định) là cần thiết, phù hợp với hiện trạng thực tế.

II. QUÁ TRÌNH TỔ CHỨC RÀ SOÁT

Việc rà soát, điều chỉnh danh mục ao, hồ, đầm không san lấp trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước, Sở Nông nghiệp và Môi trường là đơn vị đầu mối thực hiện.

Sở Nông nghiệp và Môi trường đã ban hành Văn bản số 4188/SNNMT-TNN ngày 22/4/2026; Văn bản số 5454/SNNMT-TNN ngày 22/5/2026 Đề nghị các cơ quan chuyên môn và UBND 135 xã, phường, thị trấn tổ chức rà soát hiện trạng ao, hồ, đầm đối chiếu tiêu chí tại Điều 56 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP để đề xuất điều chỉnh; làm rõ căn cứ pháp lý đối với các đề xuất đưa ao, hồ ra khỏi danh mục ao, hồ không san lấp đã được phê duyệt.

Trên cơ sở ý kiến của 80 đơn vị¹ có văn bản ý kiến về việc rà soát, điều chỉnh danh mục ao, hồ, đầm trên địa bàn tỉnh; Sở Nông nghiệp và Môi trường đã xây dựng Hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh bao gồm: Tờ trình; dự thảo Quyết định điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thuyết minh. Ngày 05/06/2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản số 6046/SNNMT-TNN V/v lấy ý kiến góp ý dự thảo hồ sơ trình Hội đồng nhân dân tỉnh Điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp trên địa bàn tỉnh. Đến ngày 21/6/2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường nhận được văn bản tham gia góp ý của 71 đơn vị, trong đó có 61 đơn vị thống nhất với hồ sơ dự thảo và 10 đơn vị có ý kiến về điều chỉnh danh mục ao hồ đầm không san lấp (cụ thể như Phụ lục I đính kèm).

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG

1. Cập nhật, bổ sung các ao, hồ mới vào danh mục không được san lấp

Việc lập danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp được quy định tại Điều 56 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước

“1. Các hồ, ao, đầm, phá không được san lấp quy định tại khoản 6 Điều 63 Luật Tài nguyên nước bao gồm:

a) Hồ chứa trên sông, suối, kênh, rạch;

¹ **Nhóm Không có ý kiến điều chỉnh (42):** Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Trung tâm Nước sạch nông thôn; UBND các xã/phường: Al Bá, An Lão, An Nhơn Đông, An Phú, An Toàn, Ayun Pa, Ayun, Bồng Sơn, Canh Liên, Chợ Long, Chư A Thai, Chư Krey, Đak Doa, Đak Somei, Ia Rsai, Hòa Hội, Hoài Nhơn Đông, Hội Phú, Ia Dom, Ia Dok, Ia Grai, Ia Krái, Ia Ly, Ia Tôt, KDang, Kon Chiêng, Kông Chro, Ngõ Mây, Nhơn Châu, Thống Nhất, Pleiku, Quy Nhơn Đông, SRó, Tơ Tung, Ia Ko, Hội Sơn, Ia Hứ, Hoài Nhơn Nam, Ia Khuol, Ia Pnôn.

Nhóm Có ý kiến điều chỉnh/Bổ sung/Bãi bỏ (38): Sở Công Thương; Sở Xây dựng; Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Gia Lai; Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định; Xã Bình Khê; xã Ia Chia; Xã Ya Ma; Bình Phú, Bờ Ngoong, Hoài Ân, Phù Cát, An Nhơn Tây, Phù Mỹ Tây, Vĩnh Quang, An Vinh, Vĩnh Thịnh, Phù Mỹ Đông, An Hòa, Canh Vinh, Cát Tiến, Vân Canh, Biển Hồ, An Khê, An Nhơn Bắc, Bình Dương, Cửu An, Chư Prông, Đức Cơ, Hoài Nhơn, Hoài Nhơn Tây, Hra, Ia Hrun, Ia O, Ia Sao, Phù Mỹ Bắc, Diên Hồng, Tuy Phước Tây.

b) Hồ, ao, đầm, phá trong khu vực đô thị, khu dân cư tập trung có diện tích mặt nước từ 0,5 ha trở lên trừ trường hợp đã được quy hoạch sử dụng đất cho các mục đích công cộng, quốc phòng, an ninh và hồ, ao, đầm, phá thuộc đất thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình và đất thương mại, dịch vụ thuộc quyền sử dụng của tổ chức, cá nhân;

c) Hồ, ao, đầm, phá có chức năng bảo vệ, bảo tồn hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, giá trị văn hoá;

d) Các moong khai thác khoáng sản, đất, vật liệu xây dựng sau khi dừng khai thác theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Luật Tài nguyên nước;

đ) Các hồ, ao, đầm, phá khác với quy định tại các điểm a, b và c khoản này có diện tích mặt nước từ 01 ha trở lên;

e) Căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đưa các hồ, ao, đầm, phá khác với các quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này hoặc hồ, ao, đầm, phá có diện tích mặt nước nhỏ hơn quy định tại điểm b hoặc điểm d khoản này vào Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp.”

Căn cứ vào văn bản đề xuất của UBND các xã, phường, và các đơn vị quản lý hồ chứa, đã rà soát có tổng cộng 31 ao, hồ bổ sung mới và 46 ao, hồ điều chỉnh diện tích (được thể hiện cụ thể tại Phụ lục II đính kèm).

2. Đề xuất đưa ra khỏi danh mục ao, hồ không san lấp

Căn cứ vào văn bản đề xuất của UBND các xã, phường, kết quả rà soát, tổng hợp có 04 ao, hồ đề nghị đưa ra khỏi danh mục ao hồ không san lấp gồm:

2.1. Hồ Nam Hương (xã Bình Khê)

Ngày 22/4/2026, UBND xã Bình Khê có Tờ trình số 41/TTr-UBND về việc xin chủ trương đưa hồ Nam Hương ra khỏi danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp theo Quyết định số 1433/QĐ-UBND ngày 04/5/2022 của UBND tỉnh Bình Định.

Tại điểm b, khoản 2, điều 58, Nghị định 53/2024/NĐ-CP được sửa đổi bởi Điểm a Khoản 30 Điều 1 Nghị định 23/2026/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 17/01/2026 quy định: “*b) Điều chỉnh đưa hồ, ao, đầm, phá ra khỏi Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp để phục vụ mục đích công cộng, quốc phòng, an ninh;*”.

Cơ sở đề xuất đưa hồ Nam Hương ra khỏi danh mục ao hồ không san lấp:

Hồ Nam Hương (xã Bình Khê): được xây dựng năm 1983, thân đập đất, tràn tự do, có dung tích khoảng 0,08 triệu m³, diện tích khoảng 2 ha, phục vụ tưới khoảng 5 ha đất nông nghiệp, thuộc quản lý của UBND xã Bình Khê theo phân cấp quản lý công trình thủy lợi. Từ khi xây dựng đến nay chưa được sửa chữa nâng cấp, thân đập phía thượng lưu nhiều vị trí bị sạt lở, xâm thực mạnh, mặt cắt ngang thân đập có vị

trí chỉ còn khoảng từ 2 - 2,5m. Hàng năm, công trình được đánh giá không an toàn trước mùa mưa lũ (văn bản số 364/UBND-KT ngày 07.5.2026 của UBND xã Bình Khê).

Theo Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Tây Giang xã Bình Khê, tỉnh Gia Lai đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2591/QĐ-UBND ngày 12/11/2025, toàn bộ phạm vi hồ Nam Hương và khu tưới đều nằm trong ranh giới Khu công nghiệp, hồ không còn chức năng tưới tiêu.

Hồ Nam Hương đã được Thường trực Tỉnh ủy thống nhất chủ trương đưa ra ngoài danh mục tại Thông báo số 261-TB/TU ngày 26/5/2026; và UBND tỉnh thống nhất về chủ trương đưa hồ Nam Hương ra ngoài danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp tại Văn bản số 6928/UBND-NNMT ngày 28/5/2026.

2.2. Hồ Bôn Sar (xã Ia Rbol)

Ngày 09/5/2026, UBND xã Ia Rbol có văn bản số 2219/UBND-KT đề xuất đưa hồ Bôn Sar (giáp trụ sở Đảng ủy xã) ra khỏi danh mục ao, hồ, đầm không được san lấp theo Quyết định số 605/QĐ-UBND ngày 18/09/2021 của tỉnh Gia Lai.

Tại Quyết định phê duyệt quy hoạch chung xã Ia Rbol số 90/QĐ-UBND ngày 30/12/2025, vị trí hồ Bôn Sar này được định hướng quy hoạch hoa viên cây xanh và thể dục thể thao. Đồng thời, toàn bộ hồ nước thuộc quỹ đất nông nghiệp (đất nuôi trồng thủy sản) sử dụng mục đích công ích của xã trước và sau sắp xếp (các nội dung này đã được UBND xã Ia Rbol giải trình tại văn bản số 2584/UBND-KT, ngày 28/5/2026).

2.3. Bàu (ao) Ông Mai (phường An Bình)

UBND phường An Bình có văn bản số 818/UBND-KTHTĐT ngày 12/6/2026 và Công văn số 821/UBND-KTHTĐT ngày 12/6/2026 đề nghị hủy bỏ bàu (ao) Ông Mai ra khỏi danh mục hồ, ao không được san lấp. Lý do đề xuất là do hiện trạng bàu Ông Mai (thuộc Tổ dân phố Tân Bình) đang nằm trong khu dân cư tập trung, diện tích nhỏ dưới 0,5 ha, không có đường vào, lòng bàu hoàn toàn không có nước và không còn phục vụ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp.

Ngoài ra, qua kiểm tra hồ sơ địa chính, vị trí bàu thuộc thửa đất số 89, 107 tờ bản đồ số 7 (nay là tờ bản đồ số 122) đã được UBND huyện An Khê cũ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ ngày 07/9/2000 cho hộ bà Phan Thị Xuân, xác định đây là đất thuộc đất của hộ gia đình.

2.4. Bàu (Ao) Rộc Còng (Tổ 2) Phường An Khê

UBND phường An Khê có văn bản số 1612/UBND-KTHTĐT ngày 15/06/2026 đề xuất xem xét đưa 02 ao, bàu ra khỏi danh mục không được san lấp bao gồm Bàu (Ao) Rộc Nãi và Bàu (Ao) Rộc Còng, cụ thể:

- **Bàu (Ao) Rộc Nãi (nằm sát đường Trần Khánh Dư, Tổ dân phố 3 An Phú)**, hiện nằm trong khu dân cư tập trung và không còn thực hiện chức năng phục

vụ tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp. Theo phản ánh của người dân địa phương, khu vực bầu tiềm ẩn nguy cơ cao gây mất an toàn cho người tham gia giao thông và cư dân sinh sống xung quanh, nhất là vào mùa mưa bão; vì vậy địa phương đề nghị đưa ra khỏi danh mục để có cơ sở nghiên cứu phương án xử lý, bảo đảm an toàn và đáp ứng nhu cầu phát triển đô thị. **Tuy nhiên, Bầu Rộc Nãi không đảm bảo quy định** tại điểm b Khoản 2 Điều 58 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP (được điều chỉnh bổ sung tại điểm a Khoản 30 Điều 1 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP) “*b) Điều chỉnh đưa hồ, ao, đầm, phá ra khỏi Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp để phục vụ mục đích công cộng, quốc phòng, an ninh;*”; do vậy không đảm bảo cơ sở pháp lý để đưa ra khỏi danh mục ao, hồ không san lấp.

- **Bầu (Ao) Rộc Còng (tổ 2)**, lý do đề nghị đưa ra khỏi danh mục là do vị trí của bầu hiện nằm hoàn toàn trong phạm vi quy hoạch giao thông theo Quyết định số 1660/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND thị xã An Khê về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu đô thị các phường Tây Sơn, An Phú, An Tân.

IV. TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG CÔNG TRÌNH SAU KHI RÀ SOÁT

Tổng số lượng ao, hồ, đầm **trước** khi rà soát là 683, trong đó, tỉnh Bình Định là 261, tỉnh Gia Lai là 422; Kết quả **sau** khi được rà soát như sau:

1. Có tổng cộng 710 ao, hồ, đầm thuộc danh mục ao hồ không san lấp, gồm:

- 633 ao, hồ, đầm được giữ nguyên, không có sự thay đổi
- 31 ao, hồ bổ sung mới
- 46 ao, hồ điều chỉnh diện tích

2. Tổng số ao, hồ, đầm đưa ra khỏi danh mục ao, hồ không san lấp: 04.

(được thể hiện cụ thể tại Phụ lục III)

V. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân xem xét, thông qua nội dung Báo cáo thuyết minh và Dự thảo Nghị quyết Quyết định điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Phụ lục I

TỔNG HỢP Ý KIẾN THAM GIA GÓP Ý CỦA CÁC ĐƠN VỊ VỀ HỒ SƠ ĐIỀU CHỈNH DANH MỤC AO, HỒ, ĐÀM KHÔNG SAN LẤP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÌNH HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

STT	Tên đơn vị có ý kiến	Số văn bản, ngày phát hành	Nội dung ý kiến	Nội dung tiếp thu
I. Nhóm ý kiến thống nhất với nội dung hồ sơ dự thảo (61 cơ quan, đơn vị)				
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Công Thương; Chi cục Thủy lợi; Trung tâm Nước sạch nông thôn; - UBND các xã/phường: Tuy Phước Tây, Phù Mỹ Nam, An Vinh, An Nhơn Đông, Vĩnh Thạnh, Vĩnh Thịnh, Ngô Mây, Chư Pưh, An Lão, An Nhơn Nam, An Nhơn Tây, An Phú, An Toàn, Ayun Pa, Bình Dương, Bờ Ngoong, Canh Vinh, Chơ Long, Đak Rong, Hòa Hội, Hội Sơn, Hra, Ia Grai, Ia Hiao, Ia Krái, Ia Pia, Ia Púch, KDang, Kon Chiêng, Bình Định, Hoài Nhơn, Quy Nhơn Đông, Tuy Phước, Thống Nhất, Vân Canh, Vĩnh Quang, Vĩnh Sơn, Xuân An, Ya Ma, Lơ Pang, An Hòa, Chư Sê, Ia Chia, Ia KO, Ia Le, Ia Rbol, Phú Thiện, Quy Nhơn, Ia Krêl, S Ró, Ia Hnú, Ia Bắg, Ia Pa, Ia Pnôn, Chư Krey, Al Ba, Hội Phú.				
II. Nhóm có ý kiến điều chỉnh, bổ sung (10 cơ quan, đơn vị)				
1	Sở Tư pháp	Số 2033/STP-NV1 ngày 11/6/2026	Căn cứ Khoản 3 Điều 58 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP (sửa đổi bởi Nghị định số 23/2026/NĐ-CP), đề nghị Sở NN&MT hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh để trình HĐND tỉnh thông qua điều chỉnh Danh mục trước khi phê duyệt.	Đã tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ
2	Sở Xây dựng	Số 4766/SX-D-HTKT ngày 12/6/2026	Cập nhật, bổ sung Hồ Ia Rbol (xã Ia Rbol) cấp nước cho Nhà máy nước Ayun Pa.	Đã tiếp thu, rà soát.
3	UBND xã Phù Mỹ Bắc	Số 704/UBN D-KT ngày 15/5/2026	Rà soát, cập nhật danh mục 19 hồ, ao do UBND xã Phù Mỹ Bắc quản lý	Đã tiếp thu.
4	UBND phường An Bình	Số 818/UBN D-KTHTĐT & Số 821/UBN D-	- Đề nghị hủy bỏ danh mục Bàu ông Mai do diện tích nhỏ (<0,5ha), nằm trong khu dân cư, không có nước/đường vào và đất đã cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình. - Đề nghị sửa "thôn" thành "tổ	- Tiếp thu, chỉnh sửa tên gọi TDP, hiệu chỉnh diện tích Hồ Tàu Dầu 2. - Đã cập nhật, đưa Bàu ông Mai ra khỏi danh mục ao hồ không san lấp

		KTHTĐT ngày 12/6/2026	dân phố". - Đề nghị bổ sung địa điểm Hồ Tàu Dầu 2 là TDP An Định và chỉnh diện tích thuộc phường từ 48,97ha thành 38,65ha (do cắt địa giới với xã Đak Pơ).	
5	UBND phường An Khê	Số 1612/UB ND- KTHTĐT ngày 15/06/2026	Đề nghị đưa ra khỏi danh mục 02 ao, bầu: - Bầu Rộc Nãi (TDP 3 An Phú): nằm sát đường, tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn mùa mưa, không còn chức năng tưới tiêu. - Bầu Rộc Còng: nằm trong phạm vi quy hoạch giao thông phân khu đô thị đã duyệt (QĐ 1660/QĐ-UBND ngày 31/7/2024).	- Bầu Rộc Nãi không đảm bảo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 58 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP (được điều chỉnh bổ sung tại điểm a Khoản 30 Điều 1 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP) “b) Điều chỉnh đưa hồ, ao, đầm, phá ra khỏi Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp để <u>phục vụ mục đích công công, quốc phòng, an ninh</u> ”; - Đã cập nhật, đưa Bầu Rộc Còng ra khỏi danh mục ao hồ không san lấp.
6	UBND phường Diên Hồng	Số 1764/UB ND- KTHTĐT ngày 12/6/2026	- Góp ý lỗi kỹ thuật văn bản: tiêu đề ghi "Kỳ họp thứ 4", đoạn cuối ghi "Kỳ họp thứ 5". - Tại STT 341 phụ lục, đề nghị viết chính xác tên: "Hồ chứa nước Công viên Diên Hồng". - Đề nghị thống nhất tên tiêu đề phụ lục với tên Nghị quyết.	Đã tiếp thu, chỉnh sửa
7	UBND xã Ia Rsai	Số 1588/UB ND-KT ngày 12/6/2026	Đề nghị điều chỉnh địa danh từ "thôn" thành "buôn" tại phụ lục đối với 03 vị trí: Ao tự nhiên tại buôn Chư Jú, Hồ Cây tại buôn Đông Thớt, Hồ Buôn Lao tại buôn Ka Tô.	Đã tiếp thu, chỉnh sửa
8	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Gia Lai	Số 231/CV- KTTL ngày 15/6/2026	- Đề nghị đính chính diện tích mặt thoáng của 08 hồ chứa lớn: Biển Hồ B (sửa thành 450ha), Hồ Ia Ring (112,38ha), Hồ Ayun Hạ (3.700ha), Hồ Ia Hrun (39,5ha), Hồ Plei Pai (604,78ha), Hồ Tân Sơn (41,6ha), Hồ Hoàng Ân (115ha), Hồ Ia Mờ (2.510ha). - Đề nghị bổ sung cụm từ "thủy	Đã tiếp thu, cập nhật

			lợi" vào trước tên 10 hồ chứa còn lại do đơn vị quản lý.	
9	Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định	Số 470/KTC TTL-KT ngày 12/6/2026	- Đề nghị bổ sung mới: Hồ chứa nước Đồng Mít (thôn 6 An Trung, xã An Vinh, diện tích 453ha) vào danh mục không được san lấp. - Đề nghị điều chỉnh, cập nhật chính xác tên và diện tích của 62 hồ chứa nước do Công ty đang quản lý (Hồ Văn Khánh Đức, Cần Hậu, Thuận Ninh, Hội Sơn, Mỹ Thuận...).	Tiếp thu, chỉnh sửa và bổ sung Hồ chứa nước Đồng Mít
10	UBND xã Biễn Hồ	Số 1766/UBND-KT, ngày 18/6/2026	Đề nghị rà soát, cập nhật danh mục 14 ao, hồ trên địa bàn xã	Đã tiếp thu

Phụ lục II

TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC AO, HỒ, ĐÀM ĐƯỢC BỔ SUNG MỚI, ĐIỀU CHỈNH, ĐƯA RA KHỎI DANH MỤC AO, HỒ, ĐÀM KHÔNG ĐƯỢC SAN LẤP

1. Các ao, hồ đưa ra khỏi danh mục ao, hồ không san lấp

1. Hồ Nam Hương (Thôn Tả Giang 1, xã Bình Khê).
2. Bàu (Ao) Ông Mai (Thôn Tân Bình, phường An Bình).
3. Bàu (Ao) Rộc Còng (Tổ 2, phường An Khê).
4. Hồ Bôn Sar (Bôn Sa, xã Ia Rbol).

2. Các ao, hồ được bổ sung mới

1. Hồ Hưng Long (Xã An Hòa) – Diện tích: 30,0 ha.
2. Hồ Hóc Tranh (Xã An Hòa) – Diện tích: 10,0 ha.
3. Hồ Đèo Cạnh (Xã An Vinh).
4. Hồ Đồng Mít (Thôn 6 An Trung, xã An Vinh) – Diện tích: 453 ha.
5. Bàu Đưng (hồ sinh thái) (Thôn Gia Chiểu 2, xã Hoài Ân) – Diện tích: 1,0 ha.
6. Đập Mù U (Thôn Đại Lương, Phù Mỹ Đông) – Diện tích: 1,0 ha.
7. Hồ Thuận An (Thôn Thuận An, Phù Mỹ Đông) – Diện tích: 1,2 ha.
8. Hồ Hòa Ninh (Thôn Hòa Ninh, Phù Mỹ Đông) – Diện tích: 1,5 ha.
9. Hồ Đập Quang (Xã Phù Mỹ Tây) – Diện tích: 2,7 ha.
10. Bàu Thủy (Thôn Vĩnh Cửu, xã Vĩnh Thịnh) – Diện tích: 1,0 ha.
11. Hồ chứa nước làng Pơ Nang (Xã Cửu An) – Diện tích: 4,5 ha.
12. Đập Giảo (An Thạch, xã Cửu An) – Diện tích: 4,301 ha.
13. Đập Đất Khách (An Thượng 3, xã Cửu An) – Diện tích: 1,286 ha.
14. Hồ chứa nước làng Nhoi (Xã Cửu An) – Diện tích: 1,6 ha.
15. Bàu (Ao) Tre (Cửu Đạo, xã Cửu An) – Diện tích: 0,238 ha.
16. Đập Dừng (An Bình, xã Cửu An) – Diện tích: 1,819 ha.
17. Đập Dầu (An Điền Bắc, xã Cửu An) – Diện tích: 919 ha.
18. Đập Soi Tròn (An Điền Nam, xã Cửu An) – Diện tích: 1,751 ha.
19. Đập dâng Suối Tôm (Làng Pốt, xã Cửu An).
20. Đập Hòn Ngang (Thượng An 3, xã Cửu An) – Diện tích: 1,451 ha.

21. Đập Bụng (An Thượng 2, xã Cửu An) – Diện tích: 0,192 ha.
22. Đập Quán Bút (An Điền Bắc, xã Cửu An).
23. Đập Phân Sa (An Điền Nam, xã Cửu An).
24. Đập Cây Da (An Điền Nam, xã Cửu An).
25. Đập Tà Dinh (An Điền Nam, xã Cửu An).
26. Đập Hạnh (An Điền Nam, xã Cửu An).
27. Đập Sỹ (An Điền Nam, xã Cửu An).
28. Bàu (Ao) Ngoài (Thượng An 3, xã Cửu An) – Diện tích: 0,24 ha.
29. Đập Ý (An Điền Nam, xã Cửu An) – Diện tích: 0,264 ha.
30. Hồ Hổ Lang (Làng Kênh Siêu, xã Bờ Ngoong) – Diện tích: 7,44 ha.
31. Hồ Kênh Siêu (Làng Kênh Siêu, xã Bờ Ngoong) – Diện tích: 3,16 ha.

3. Các ao, hồ được điều chỉnh diện tích

1. Hồ An Đỗ (Thôn An Đỗ, phường Hoài Nhơn Bắc): Điều chỉnh tăng diện tích từ 2,5 ha lên 3,71 ha.
2. Hồ Mỹ Bình (Thôn Mỹ Bình 3, phường Hoài Nhơn Tây): Điều chỉnh tăng diện tích từ 64,85 ha lên 66,29 ha.
3. Hồ Hổ Giang (Thôn Thành Sơn Tây, phường Tam Quan): Điều chỉnh tăng diện tích từ 25,65 ha lên 26,15 ha.
4. Hồ Sông Vố (Xã An Lão): Điều chỉnh giảm diện tích từ 22,38 ha xuống 21,94 ha.
5. Hồ Núi Một (Thôn Thọ Tân Bắc, xã An Nhơn Tây): Điều chỉnh giảm diện tích từ 969 ha xuống 968 ha.
6. Hồ Thạch Khê (Xã Ân Tường): Điều chỉnh tăng diện tích từ 113,44 ha lên 116,38 ha.
7. Hồ Núi Miếu (Thôn Mỹ Phú Nam, xã Bình Dương): Điều chỉnh tăng diện tích từ 26,0 ha lên 26,37 ha.
8. Hồ Suối Sỏ (Thôn Gia Hội, xã Bình Dương): Điều chỉnh tăng diện tích từ 42,99 ha lên 51,72 ha.
9. Hồ Quang Hiến (Thôn Chánh Hiến, xã Canh Vinh): Điều chỉnh tăng diện tích từ 56,6 ha lên 69,3 ha.
10. Hồ Ông Lành (Thôn Hiệp Vinh 1, xã Canh Vinh): Điều chỉnh giảm diện tích từ 40,56 ha xuống 39,9 ha.

11. Hồ Chánh Hùng (Thôn Chánh Hùng, xã Cát Tiến): Điều chỉnh tăng diện tích từ 37,13 ha lên 37,9 ha.
12. Hồ Tân Thắng (Thôn Tân Thắng, xã Cát Tiến): Điều chỉnh giảm diện tích từ 18,47 ha xuống 17,9 ha.
13. Hồ Hồ Xoài (Thôn Thái Thuận, xã Đề Gi): Điều chỉnh tăng diện tích từ 13,1 ha lên 16,64 ha.
14. Hồ Hóc Cau (Thôn Mỹ Hóa, xã Hòa Hội): Điều chỉnh tăng diện tích từ 12,53 ha lên 14,62 ha.
15. Hồ Phú Thuận (Xã Hoài Ân): Điều chỉnh tăng diện tích từ 48,72 ha lên 49,54 ha.
16. Hồ Hội Sơn (Thôn Hội Sơn, xã Hội Sơn): Điều chỉnh giảm diện tích từ 489,0 ha xuống 480 ha.
17. Hồ Tam Sơn (Thôn Thuận Phong, xã Hội Sơn): Điều chỉnh tăng diện tích từ 17,3 ha lên 20,0 ha.
18. Hồ Suối Chay (Thôn An Đức, xã Phù Cát): Ghi chú điều chỉnh tăng diện tích từ 46,01 ha lên 44,16 ha.
19. Hồ Chòi Hiền (Thôn Trung Hiệp, xã Phù Mỹ): Điều chỉnh tăng diện tích từ 10,46 ha lên 11,63 ha.
20. Hồ Hóc Mít (Thôn Trung Bình, xã Phù Mỹ): Điều chỉnh giảm diện tích từ 37,49 ha xuống 9,11 ha.
21. Hồ Cây Sung (Thôn Cửu Thành, xã Phù Mỹ Bắc): Điều chỉnh giảm diện tích từ 30,10 ha xuống 26,48 ha.
22. Hồ An Tường (Xã Phù Mỹ Bắc): Điều chỉnh tăng diện tích từ 10,47 ha lên 15,315 ha.
23. Hồ Hóc Nhạn (Xã Phù Mỹ Đông): Điều chỉnh tăng diện tích từ 57,20 ha lên 59 ha.
24. Hồ Đại Sơn (Xã Phù Mỹ Nam): Điều chỉnh giảm diện tích từ 77,22 ha xuống 62,31 ha.
25. Hồ Chí Hòa 2 (Xã Phù Mỹ Nam): Điều chỉnh tăng diện tích từ 20,90 ha lên 23,10 ha.
26. Hồ Tây Dâu (Thôn Phước Thọ, xã Phù Mỹ Tây): Điều chỉnh giảm diện tích từ 20,9 ha xuống 11,12 ha.
27. Hồ Đập Lồi (Thôn Hội Phú, xã Phù Mỹ Tây): Điều chỉnh tăng diện tích từ 7,1 ha lên 11,94 ha.

28. Hồ Trung Sơn (Thôn Lạc Sơn, xã Phù Mỹ Tây): Điều chỉnh tăng diện tích từ 24,4 ha lên 11,94 ha.
29. Hồ Diêm Tiêu (Thôn Trà Lương, xã Phù Mỹ Tây): Điều chỉnh giảm diện tích từ 110,0 ha xuống 105,87 ha.
30. Hồ Trinh Vân (Xã Phù Mỹ Tây): Điều chỉnh tăng diện tích từ 60,30 ha lên 61,14 ha.
31. Hồ Cây Da (Thôn Bình An 2, xã Tuy Phước Tây): Điều chỉnh tăng diện tích từ 23,02 ha lên 23,32 ha.
32. Hồ Vạn Hội (Xã Vạn Đức): Điều chỉnh giảm diện tích từ 153,0 ha xuống 140,94 ha.
33. Hồ Tà Niềng (Xã Vĩnh Quang): Điều chỉnh tăng diện tích từ 11,20 ha lên 11,21 ha.
34. Hồ Định Bình (Xã Vĩnh Thạnh): Ghi chú điều chỉnh giảm diện tích từ 1.129 ha xuống 1.288 ha.
35. Hồ Hòn Lập (Xã Vĩnh Thịnh): Điều chỉnh tăng diện tích từ 42,50 ha lên 48,8 ha.
36. Hồ Cửa Khâu (Thôn Xuân An, xã Xuân An): Điều chỉnh tăng diện tích từ 6,79 ha lên 17,6 ha.
37. Hồ Tường Sơn (Xã Xuân An): Điều chỉnh tăng diện tích từ 45,4 ha lên 81,81 ha.
38. Hồ chứa nước Công viên Diên Hồng (Phường Diên Hồng): Điều chỉnh giảm diện tích từ 26,49 ha xuống còn 2,63 ha.
39. Hồ thủy lợi Tân Sơn (Làng Ninh, xã Biển Hồ): Điều chỉnh giảm diện tích từ 42,0 ha xuống 41,6 ha.
40. Hồ thủy lợi Biển Hồ B (Xã Biển Hồ): Điều chỉnh tăng diện tích từ 290,03 ha lên 450 ha.
41. Hồ thủy lợi Ia Ring (Thôn Ia Ring và Thôn Thái Hà, xã Bờ Ngoong): Điều chỉnh giảm diện tích từ 116,0 ha xuống 112,3 ha.
42. Hồ thủy lợi Hoàng Ân (Xã Chư Prông): Điều chỉnh tăng diện tích từ 110,0 ha lên 115 ha.
43. Hồ thủy lợi Ia Hrug (Làng út, Xã Ia Hrug): Điều chỉnh giảm diện tích từ 60,0 ha xuống 3,95 ha.
44. Hồ thủy lợi Plei Pai (Xã Ia Lâu): Điều chỉnh tăng diện tích từ 447,0 lên 604,7 ha.

45. Hồ thủy lợi Ia Mơr (Xã Ia Mơ): Điều chỉnh giảm diện tích từ 2.850 ha xuống còn 2.510 ha.
46. Hồ thủy lợi Ia M'Lah (Xã Phú Túc): Điều chỉnh tăng diện tích từ 400 ha lên 404 ha.

Số: /BC-SNNMT

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO

Chỉnh sửa, hoàn thiện Dự thảo Nghị quyết quyết định điều chỉnh danh mục ao, hồ, đầm không san lấp trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Kính gửi: Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện ý kiến kết luận của Chủ trì cuộc họp thẩm tra các nội dung do UBND tỉnh trình tại Kỳ họp thường lệ giữa năm 2026, HĐND tỉnh khóa XIII, nhiệm kỳ 2026-2031 thuộc lĩnh vực kinh tế ngân sách vào ngày 02/7/2026 về nội dung (21) *Thẩm tra Dự thảo Nghị quyết quyết định điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp trên địa bàn tỉnh.*

Trên cơ sở các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, phường về việc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, làng, tổ dân phố và Phương án số 06/PA-UBND ngày 10/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về tổng thể sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2026.

Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiến hành rà soát, cập nhật tên địa danh các thôn, làng, tổ dân phố,...sau khi sáp nhập tại vị trí các ao, hồ, đầm, và Sở Nông nghiệp và Môi trường có văn bản số 7413/SNNMT-TNN ngày 06/7/2026 về việc lấy ý kiến về tên địa danh tại các ao, hồ, đầm thuộc phạm vi quản lý tại địa phương được nêu tại các phụ lục kèm dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh Điều chỉnh, bổ sung Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp trên địa bàn tỉnh gửi UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh; thời hạn các đơn vị gửi lại văn bản ý kiến **trước 17h00 ngày 08/7/2026.**

Đến nay (lúc 14h00, ngày 09/7/2026), Sở Nông nghiệp và Môi trường đã nhận được 35 văn bản góp ý, đồng thời đã thu thập và rà soát đầy đủ 135 Nghị quyết của xã, phường về sáp nhập thôn, tổ dân phố,... trên cơ sở đó, đã tiếp thu, chỉnh sửa hoàn thiện Dự thảo Nghị quyết quyết định điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp trên địa bàn tỉnh (có kèm theo Phụ lục Bảng tổng hợp ý kiến góp ý dự thảo Nghị quyết quyết định điều chỉnh danh mục ao, hồ, đầm không được san lấp trên địa bàn tỉnh).

Sở Nông nghiệp và Môi trường kính báo cáo Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh về việc chỉnh sửa hoàn thiện Dự thảo Nghị quyết quyết định điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp trên địa bàn tỉnh.

Kết quả tổng hợp, rà soát chỉnh sửa hoàn thiện như sau:

1. Có tổng cộng 708 ao, hồ, đầm thuộc danh mục ao, hồ, đầm không san lấp, giảm 02 hồ so với trước khi rà soát cập nhật tên địa danh thôn, ...lý do: trong số 04 hồ: Đại Sơn, Chí Hòa 1, Đập Cúc, Bao Sang tại xã Phù Mỹ Nam được nêu tại Quyết

định số 1433/QĐ-UBND ngày 04/5/2022 của UBND tỉnh Bình Định (trước sáp nhập) phê duyệt ao, hồ, đầm không san lấp, thì hiện trạng thực tế chỉ có 02 hồ là: hồ Đại Sơn và hồ Chí Hòa 1; trong đó hồ Đập Cục tên gọi hiện nay là hồ Đại Sơn, và hồ Bao Sang tên gọi hiện nay là hồ Chí Hòa 1¹.

2. Có 04 ao, hồ đưa ra khỏi danh mục ao, hồ không san lấp.

(Có bản Dự thảo Nghị quyết quyết định điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp trên địa bàn tỉnh kèm theo văn bản này).

Sở Nông nghiệp và Môi trường kính báo cáo Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua/. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, TNN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Vũ Ngọc An

¹ Văn bản số 760/UBND-KT, ngày 07/7/2026 của UBND xã Phù Mỹ Nam về việc góp ý tên, địa danh các hồ, đập thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn xã Phù Mỹ Nam

Phụ lục

**BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN GÓP Ý DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT QUYẾT ĐỊNH ĐIỀU CHỈNH DANH MỤC
HỒ, AO, ĐÀM KHÔNG ĐƯỢC SAN LẤP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

(Kèm theo văn bản số /BC-SNNMT, ngày /7/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Tên đơn vị góp ý	Số văn bản	Nội dung góp ý	Ghi chú
I	Nhóm các đơn vị thống nhất ý kiến			
	1. UBND xã Chư Pưh 2. UBND xã Kon Chiêng 3. UBND phường Thống Nhất 4. UBND xã Hoài Ân 5. UBND xã Chư A Thai 6. UBND xã Ya Ma 7. UBND xã Ia Sao 8. UBND xã Ia O 9. UBND xã Ia Pa 10. UBND xã Phú Túc 11. UBND xã An Nhơn Tây 12. UBND xã Chợ Long 13. UBND phường Hoài Nhơn Đông 14. UBND xã An Lão 15. UBND xã Vân Canh 16. UBND xã Ia Púch 17. UBND xã Ân Hảo 18. UBND phường An Phú 19. UBND phường Hoài Nhơn Nam		Thống nhất dự thảo Nghị quyết và các Phụ lục kèm theo	
II	Nhóm các đơn vị có ý kiến chỉnh sửa, bổ sung			
1	UBND xã Ia Dok	317/BC-UBND	Đề nghị điều chỉnh Phụ lục I: Bỏ Hồ Đak Oí (do không nằm trên địa bàn xã); Cập nhật địa điểm Hồ làng Mới (Làng Đok Ngol) và Hồ thủy điện Ia Krêl (thôn Đoàn Kết).	Đã rà soát và hoàn thiện.

STT	Tên đơn vị góp ý	Số văn bản	Nội dung góp ý	Ghi chú
				Đã điều chỉnh Hồ Đắc Oi nay thuộc thôn Biã Tĩh, xã Ia Bàng
2	UBND xã Sơn Lang	454/UBND-KT	Đề nghị không đưa Hồ thủy điện Hà Tây (STT 681) vào danh mục rà soát của xã vì không thuộc địa bàn quản lý.	Hồ thủy điện Hà Tây đã được chỉnh sửa, đưa vào danh mục thuộc địa bàn là xã Ia Khrol theo hiện trạng thực tế
3	UBND xã Ia Grai	1265/UBND-PKT	Đề nghị bổ sung, cập nhật địa chỉ thôn/làng tại Phụ lục I cho 05 hồ: Hồ Ia Năng, Hồ C5, Hồ thủy điện Chư Prông, Hồ thủy điện Ia Hrun, Hồ thủy điện Ia Grăng 1	Đã rà soát và hoàn thiện
4	UBND phường Diên Hồng	2105/UBND-KTHTĐT	Cập nhật thông tin địa điểm Hồ chứa nước Công viên Diên Hồng (thuộc Tổ dân phố 8, phường Diên Hồng) do sáp nhập tổ dân phố	Đã rà soát và hoàn thiện
5	UBND xã Chư Sê	1844/UBND-NL	Cập nhật địa danh thôn/làng 04 hồ, đập: Hồ thủy lợi Ia Glai, Hồ Ia Pal, Hồ Cạn, Đập Dun Bêu.	Đã rà soát và hoàn thiện
6	UBND xã Vĩnh Thịnh	1142/UBND-KT	Đề nghị bổ sung địa danh hành chính của hồ Hòn Lập	Đã rà soát và hoàn thiện
7	UBND xã Chư Prông	843/UBND-KTTH	Hồ thủy lợi thị trấn Chư Prông đề nghị đổi thành Hồ chứa nước Chư Prông; Hồ thủy lợi Hoàng Ân đề nghị đổi thành Hồ Chứa nước Hoàng Ân; hồ thủy điện Ia Drăng 3 không thuộc địa bàn xã Chư Prông đề nghị điều chỉnh sang xã Ia Boòng.	Đã rà soát và hoàn thiện. Hồ thủy điện Ia Drăng 3 đã được điều chỉnh sang xã Ia Boòng theo hiện trạng thực tế.
8	UBND xã Đê Gi	987/UBND-KT	Đề nghị cập nhật địa danh Hồ Hố Xoài và Đầm Đê Gi	Đã rà soát và hoàn thiện
9	UBND phường An Bình	1014/UBND-KTHTDT	1. Đề nghị sửa lại địa điểm các ao, bầu, đập cho đúng với địa danh, tên gọi sau khi sáp nhập tổ dân phố. 2. Đề nghị đưa ra khỏi Nghị quyết Bàu cây Gáo (STT 267) và Bàu Kho (STT 268)	- Đã tiếp thu, chỉnh sửa mục 1, 3. 2. Qua trao đổi với Phòng Kinh tế hạ tầng đô thị của UBND phường An Bình cho

STT	Tên đơn vị góp ý	Số văn bản	Nội dung góp ý	Ghi chú
			Lý do: Hai (02) bầu này nằm trong quy hoạch vào mục đích công cộng (đất giao thông, đất cây xanh) và đất ở phân lô theo Quyết định 1182/QĐ-UBND ngày 12/6/2025 của UBND thị xã An Khê (cũ) về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư phía Nam Phan Đình Giót, phường An Bình, thị xã An Khê (nay là phường An Bình), tỉnh Gia Lai. Đồng thời, Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 30/01/2026 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng Dự án thành phần 2: đoạn tuyến từ Km22+000-Km90+000 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Quy Nhơn-Pleiku; địa điểm xây dựng: xã Bình Phú, xã Bình Khê, xã Ya Hội, phường An Bình, xã Đak Pơ và xã Hra, tỉnh Gia Lai thì vị trí khu quy hoạch chi tiết Nam Phan Đình Giót được xác định sử dụng vào mục đích bãi đỗ chất thải rắn xây dựng trong hồ sơ khảo sát dự án. Hiện nay, UBND phường đã nhận bàn giao cọc giải phóng mặt bằng bãi thải dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Pleiku – Quy Nhơn từ Chủ đầu tư là Ban quản lý các công trình giao thông và dân dụng tỉnh. 3. Đề nghị điều chỉnh tên bầu Gia Đàm (STT 273) thành bầu Gia Đàm; bầu Hai Thủ (STT 278) thành bầu Hai Thủ. 4. Đề nghị điều chỉnh Hồ Tàu Dầu 2 (STT 6) diện tích từ 48,97ha thành 38,65ha.	biết: Bầu Cây Gáo và Bầu Kho theo quy hoạch có phần diện tích đất ở theo phân lô, do vậy, không đảm bảo theo quy định về điều kiện để đưa ra khỏi danh mục ao, hồ không san lấp theo quy định tại điểm b, Khoản 2, Điều 58, Nghị định 53/2024/NĐ-CP và được sửa đổi bổ sung bởi điểm a, Khoản 30, Điều 1, Nghị định 23/2026/NĐ-CP “Điều chỉnh đưa hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh ra khỏi Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp để phục vụ mục đích công cộng, quốc phòng, an ninh” 3. Hồ Tàu Dầu 2 thuộc phường An Bình và xã Đak Pơ, để đảm bảo tính tổng thể về phạm vi hồ, nên giữ nguyên tổng diện tích là 48,97ha
10	UBND xã Kon Gang	1389/UBND-KT	- Đề nghị đưa hồ chứa nước Suối Đak Jrang ra khỏi Danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp trên địa bàn tỉnh. - Đề nghị bổ sung Hồ Ba Bông (địa chỉ: thôn 2, xã Kon Gang, diện tích khoảng 2 ha) vào Danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp trên địa bàn tỉnh (vì trên thực tế có hồ này và đã được xác định tại Quyết định số 605/QĐ-UBND ngày 18/9/2021 của UBND tỉnh Gia Lai.	- Hồ chứa nước Suối Đak Jrang được nêu tại Quyết định số 605/QĐ-UBND ngày 18/9/2021 của UBND tỉnh Gia Lai. UBND xã Kon Gang chưa cung cấp các cơ sở để đảm bảo đưa hồ chứa nước ra khỏi danh mục theo quy định; do vậy, tạm thời

STT	Tên đơn vị góp ý	Số văn bản	Nội dung góp ý	Ghi chú
				giữ nguyên danh mục hồ này. - Đã rà soát chuyển hồ Ba Bông từ xã Kông Chro sang xã Kon Gang
11	UBND xã Ia Boòng	828/UBND-TNN	Đề nghị điều chỉnh địa điểm Hồ thủy điện Ia Đrăng 3 từ “xã Chư Prông” thành “xã Ia Boòng” tại Phụ lục I	Đã tiếp thu, chỉnh sửa
12	UBND xã Biển Hồ	1979/UBND-KT	Điều chỉnh tại số thứ tự 371: Thôn Nghĩa Hưng 2 xã Biển Hồ thành thôn Nghĩa Hưng 4, xã Biển Hồ; Tại số thứ tự 373 xã Biển Hồ thành thôn Nghĩa Hưng 3, xã Biển Hồ.	Đã tiếp thu, chỉnh sửa
13	UBND xã Gào	496/UBND-KT	Cập nhật tên thôn sau sáp nhập	Đã tiếp thu, chỉnh sửa
14	UBND xã Phù Mỹ Nam	760/UBND-KT	- Cập nhật tên thôn sau sáp nhập - Hồ Đập Cục tên gọi hiện nay là Hồ Đại Sơn; Hồ Bao Sang tên gọi hiện nay là Hồ Chí Hòa.	Cả 04 hồ: Đập Cục, Đại Sơn, Bao Sang và Chí Hòa đều nằm trong danh mục ao hồ không san lấp tại Quyết định số 1433/QĐ-UBND ngày 04/5/2022 của UBND tỉnh Bình Định; tiếp thu ý kiến chỉnh sửa thành: Hồ Đại Sơn (hồ Đập Cục); Hồ Chí Hòa 1 (hồ Bao Sang)
15	UBND xã Uar	1195/UBND-KT	Cập nhật tên thôn sau sáp nhập	Đã tiếp thu, chỉnh sửa
16	UBND xã Bình Hiệp	908/UBND-PKT	Chỉnh sửa tên “Hồ Mặt Cát” thành “Hồ Mặt Cật”; “Hồ Đập Làng” thành “Hồ Đập Làng”	Đã tiếp thu, chỉnh sửa

UBND TỈNH GIA LAI
SỞ TƯ PHÁP

Số: /STP-NV1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

V/v góp ý hồ sơ trình Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp trên địa bàn tỉnh

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Sở Tư pháp nhận được Văn bản số 6926/SNNMT-TNN ngày 24/6/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc lấy ý kiến góp ý hồ sơ trình Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp trên địa bàn tỉnh. Sau khi nghiên cứu các dự thảo văn bản và đối chiếu các quy định pháp luật có liên quan, Sở Tư pháp tham gia góp ý như sau:

1. Đối với dự thảo Nghị quyết

a) Tại phần căn cứ ban hành văn bản, chỉnh sửa “*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*” thành “*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*” để đảm bảo tính phù hợp, thống nhất.

b) Tại Điều 1

- Chỉnh sửa “*Quyết định Điều chỉnh Danh mục*” thành “*Quyết định điều chỉnh Danh mục*” cho chính xác.

- Chỉnh sửa “*(Chi tiết Danh mục theo Phụ lục đính kèm Quyết nghị này)*” thành “*(Chi tiết tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này)*”.

c) Tại phần nơi nhận, chỉnh sửa tên các cơ quan nhận văn bản bảo đảm tính chính xác như: “*Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, Báo và Phát thanh truyền hình Gia Lai*”.

d) Tại Phụ lục kèm theo, chỉnh sửa tên gọi “**DANH MỤC AO, HỒ, ĐÀM KHÔNG SAN LẤP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI**” thành “**DANH MỤC HỒ, AO, ĐÀM KHÔNG ĐƯỢC SAN LẤP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI**” cho chính xác, thống nhất.

2. Đối với dự thảo Quyết định

a) Tại phần căn cứ ban hành văn bản, chỉnh sửa “*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*” thành “*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*” cho chính xác.

b) Tại Điều 1

- Chỉnh sửa “*danh mục hồ, ao, đầm*” thành “*Danh mục hồ, ao, đầm*”.
- Chỉnh sửa “*(Chi tiết Danh mục theo Phụ lục đính kèm Quyết định này)*” thành “*(Chi tiết tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này)*”.

c) Tại Điều 2

- Tại điểm a khoản 1 nêu “*Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Quyết định này được ký ban hành*” cần nhắc chỉnh sửa thành “*Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành*”.

- Tại khoản 3, đề nghị chỉnh sửa “*a) Thông báo, phổ biến nội dung Quyết định này đến Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn...*” bảo đảm tính chính xác, phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

- Tại khoản 4, khoản 5 nêu:

“4. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý hồ, ao, đầm:

Xây dựng kế hoạch quản lý, thực hiện các biện pháp bảo vệ và không được tự ý san lấp, cải tạo, lấn chiếm, thu hẹp không gian hồ, ao, đầm; trường hợp phát hiện vi phạm, phải kịp thời thông báo và phối hợp với cơ quan có thẩm quyền ở địa phương để xử lý theo quy định.

5. Trách nhiệm của cộng đồng dân cư:

Không được san lấp, lấn chiếm trái phép ao, hồ, đầm sử dụng cho mục đích cá nhân, các hành vi vi phạm các quy định về quản lý, khai thác, sử dụng ao, hồ, đầm không được san lấp sẽ bị xử lý theo các quy định của pháp luật.”

Theo đó, nội dung tại hai khoản này quy định trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư; đề nghị Quý Sở cần nhắc về sự cần thiết quy định nội dung mang tính quy tắc xử sự chung, có hiệu lực bắt buộc chung, được áp dụng đối với tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư tại dự thảo Quyết định có hình thức là văn bản hành chính cá biệt để đảm bảo tính phù hợp, thống nhất về nội dung và hình thức văn bản.

d) Tại khoản 2 Điều 3, bổ sung trích yếu nội dung của “*Quyết định số 605/QĐ-UBND ngày 18 tháng 09 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai*”, chỉnh sửa “*Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai*”, “*Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định*” thành “*Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai (trước sắp xếp)*”, “*Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp)*” cho rõ ràng.

đ) Tại Phụ lục, chỉnh sửa tên của Phụ lục từ “**DANH MỤC AO, HỒ, ĐÀM...**” thành “**DANH MỤC HỒ, AO, ĐÀM...**”, đồng thời chỉnh sửa các nội dung tương tự tại Phụ lục cho chính xác, thống nhất.

Trên đây là ý kiến góp ý của Sở Tư pháp, kính gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, NV1.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Như Ý